Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

PHẠM HUY HOÀNG



BỘ ĐỀ LUYỆN THI Violympic

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT

DÙNG CHUNG CHO CÁC BỘ SGK HIỆN HÀNH

TRÊN INTERNET

LỚP 4



ĐHQG Hà Nội
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

PHẠM HUY HOÀNG

BỘ ĐỀ LUYỆN THI VIOLYMPIC TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT

TRÊN INTERNET

LỚP 4

DÙNG CHUNG CHO CÁC BỘ SGK HIỆN HÀNH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: *Tổng biên tập:* (024) 39714736;
Quản lý xuất bản: (024) 39728806; Biên tập: (024) 39714896
Hợp tác xuất bản: (024) 39725997; Fax: (024) 39729436

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: TRẦN QUỐC BÌNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ HỒNG NGA

Biên tập chuyên môn:	TẠ THANH NGA
Biên tập xuất bản:	LÊ THỊ HỒNG THƠM
Sửa bài:	THÁI VĂN HỌC
Chế bản:	NGUYỄN KHỞI MINH
Trình bày bìa:	NGUYỄN KHỞI MINH

Đối tác liên kết xuất bản:
Hộ kinh doanh NHÀ SÁCH HỒNG ÂN 2
20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - TP. Hồ Chí Minh

Hộ kinh doanh NHÀ SÁCH HỒNG ÂN 2
giữ bản quyền công bố tác phẩm

SÁCH LIÊN KẾT

BỘ ĐỀ LUYỆN THI VIOLYMPIC
TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT TRÊN INTERNET - LỚP 4

Mã số: 2L-02PT2023
In 1.500 bản, khổ 17 × 24cm tại Công ty TNHH In ấn DV TM Siêu Tốc
Địa chỉ: 43A Đào Tông Nguyên, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 89-2023/CXBIPH/55-01/ĐHQGHN, ngày 10/01/2023.
Quyết định xuất bản số: 173 LK-XH/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 06/3/2023.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Lời nói đầu

Quý thầy, cô và các bậc phụ huynh kính mến!

Các em học sinh yêu quý!

Năm học 2016 – 2017, cuộc thi Tiếng Việt trên mạng Internet dành cho học sinh Tiểu học đã chính thức được phát động có tên "Trạng nguyên Tiếng Việt". Có thể nói đây là một cuộc thi mà nhiều bậc phụ huynh, các thầy cô giáo và học sinh mong đợi từ lâu. Cuộc thi không chỉ giúp các em hệ thống, củng cố và bồi dưỡng kiến thức về môn Tiếng Việt mà còn là một sân chơi đầy hấp dẫn và bổ ích đối với lứa tuổi tiểu học. Đến với cuộc thi, các em sẽ được tham gia các trò chơi rất lí thú và đầy bổ ích, khác hẳn với các trò chơi điện tử thường gặp trên các phương tiện khác. Tuy nhiên để thực hiện các trò chơi ấy, học sinh phải có kiến thức một cách khá vững vàng về môn Tiếng Việt. Những câu hỏi trắc nghiệm rất quen thuộc với đa số các em, nhưng không phải học sinh nào cũng có thể dễ dàng vượt qua để về đích và đạt tới đỉnh vinh quang, trở thành **Trạng nguyên nhỏ tuổi**.

Để giúp các bậc phụ huynh, các thầy cô giáo và các em học sinh lớp 4 có thêm tài liệu tham khảo trước khi đến với các vòng thi trên mạng, Nhà sách Hồng Ân phối hợp với tác giả xin được giới thiệu cuốn "**Bộ đề luyện thi Violympic Trạng nguyên Tiếng Việt trên Internet Lớp 4**".

Cuốn sách gồm 35 vòng luyện thi được tác giả biên soạn và kết hợp với việc tổng hợp các vòng thi trên mạng Internet theo nội dung chương trình học môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4. Mỗi bài thi trong các vòng thi được tác giả biên soạn phù hợp với nội dung học, không quá sức mà vẫn phải đào sâu suy nghĩ trong khi làm bài. Đặc biệt, tác giả đã trình bày nội dung câu hỏi theo hình thức tương tự các vòng thi trên mạng để giúp các em học sinh dễ dàng vận dụng trong khi tiến hành thi trên mạng.

Cuốn sách lần đầu tiên ra mắt, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các bậc phụ huynh, các thầy cô giáo và các em học sinh để cuốn sách sẽ được hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản sau.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Nhà sách Hồng Ân:

Địa chỉ: 20C Nguyễn Thị Minh Khai – P. Đa Kao – Q.1 – TP. Hồ Chí Minh

Email: nhasachhongan@hotmail.com

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

MỤC LỤC

	Đề	*Đáp án*
VÒNG 1	5	115
VÒNG 2	7	117
VÒNG 3	10	119
VÒNG 4	13	120
VÒNG 5	16	121
VÒNG 6	19	123
VÒNG 7	22	124
VÒNG 8	25	126
VÒNG 9	28	128
VÒNG 10	31	129
VÒNG 11	34	130
VÒNG 12	37	131
VÒNG 13	40	133
VÒNG 14	44	134
VÒNG 15	47	136
VÒNG 16	50	137
VÒNG 17	54	138
VÒNG 18	57	140
VÒNG 19	60	142
VÒNG 20	63	143
VÒNG 21	66	145
VÒNG 22	69	146
VÒNG 23	72	148
VÒNG 24	75	149
VÒNG 25	79	150
VÒNG 26	82	152
VÒNG 27	85	153
VÒNG 28	89	154
VÒNG 29	92	155
VÒNG 30	95	157
VÒNG 31	98	158
VÒNG 32	102	159
VÒNG 33	105	161
VÒNG 34	108	162
VÒNG 35	111	163

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 1

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong tiếng "tâm" có âm cuối là chữ nào?

A. â. B. t. C. m. D. âm.

Câu hỏi 2: Từ trong tiếng Việt gồm có mấy dấu thanh?

A. Năm. B. Sáu. C. Ba. D. Bốn.

Câu hỏi 3: Từ "máy vi tính" do mấy tiếng tạo thành?

A. Ba. B. Hai. C. Bốn. D. Một.

Câu hỏi 4: Trong cấu tạo của tiếng không thể thiếu bộ phận nào?

A. Âm chính, vần. B. Vần, âm đầu.

C. Âm chính, thanh điệu. D. Âm đầu, âm chính.

Câu hỏi 5: Thuyền độc mộc là thuyền làm bằng vật liệu gì?

A. Sắt. B. Cây gỗ. C. Xi măng. D. Thép.

Câu hỏi 6: Tiếng Việt gồm có mấy thanh điệu?

A. Bốn B. Năm. C. Sáu. D. Bảy.

Câu hỏi 7: Trong câu "Tháp Mười đẹp nhất bông sen" có mấy tiếng?

A. Tám. B. Ba. C. Chín. D. Sáu.

Câu hỏi 8: Thủy tộc là loài vật sống ở đâu?

A. Trên trời. B. Trên cây. C. Trên mặt đất. D. Dưới nước.

Câu hỏi 9: Trong tiếng "hoàng" có âm đệm nào?

A. h. B. a. C. o. D. ng.

Câu hỏi 10: Tiếng "ăn" có cấu tạo gồm những bộ phận nào?

A. Âm đầu, vần. B. Âm chính .

C. Âm đệm. D. Vần, thanh điệu.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Từ "hoài" có dấu thanh là thanh .....

Câu hỏi 2: Tiếng "hoài" có âm đầu là chữ.....

Câu hỏi 3: Một loại vải dệt bằng các sợi với nhiều màu sắc sặc sỡ tạo thành những hình đa dạng là vải .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Trong truyện *Sự tích hồ Ba Bể* có kể đến một loại quả đó là quả .....

Câu hỏi 5: Ỷ vào sức mạnh hay quyền thế để chèn ép, bắt nạt người khác là nghĩa của từ .....

Câu hỏi 6: Bộ phận vần của tiếng "lành" là .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành khổ thơ sau:

"Sáng nay trời đổ mưa rào
Nắng trong trái chín ngọt ngào hương bay
Cả đời đi gió đi sương
Hôm nay mẹ lại ..... tập đi" .

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 8: Loại đồ dùng để đựng trầu cau, đáy nông thường làm bằng gỗ là .....

Câu hỏi 9: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Muốn tìm nam, bắc, đông, tây
Nhìn mặt tôi sẽ biết ngay hướng nào."

- Đó là cái .....

Câu hỏi 10: Điền từ còn thiếu vào các câu thơ sau:

"Lá trầu khô giữa cơi trầu
Truyện Kiều gấp ..... trên đầu bấy nay."

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Điền từ còn thiếu vào ô trống cho phù hợp:

Câu hỏi 1:

Nhường	cơm		áo

Câu hỏi 2:

Lá	lành		lá	rách

Câu hỏi 3:

Cây	ngay	không		chết	đứng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4:

Thương	người	như		thương	thân

Câu hỏi 5:

Một	cây		chẳng	nên	non

Câu hỏi 6:

Một	con	ngựa		cả	tàu	bỏ	cỏ

Câu hỏi 7:

Bầu	ơi	thương		bí	cùng

Câu hỏi 8:

Anh	em	bốn	bể	một	

Câu hỏi 9:

Một	giọt	máu		hơn	ao	nước	lã

Câu hỏi 10:

Đói	cho		rách	cho	thơm

VÒNG 2

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống sau:

"Vừa bão nên cây cối ....."

A. sơ sác. B. sơ xác. C. xơ xác. D. đáp án khác.

Câu hỏi 2: Loài chim nào được nhắc đến trong các câu sau:

"Để nguyên tên một loài chim
Bỏ sắc thường thấy bao đêm trên trời."

A. Chim sáo. B. Chim công. C. Chim sâu. D. Chim ri.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Sản suất. B. Suất sắc. C. Xuất sắc. D. Xản xuất.

Câu hỏi 4: Hai câu thơ cuối trong bài *Truyện cổ nước mình* ý nói gì?

"Tôi nghe truyện cổ thầm thì
Lời ông cha dạy cũng vì đời sau."

A. Đề cao tinh thần biết ơn sâu sắc của con cái đối với tổ tiên.

B. Nêu lên những lời khuyên dạy của ông cha ta.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 5: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống sau:

"Chúng tôi được sống trong tình ..... bao la."

A. nhân từ. B. nhân ái. C. nhân đức. D. nhân loại.

Câu hỏi 6: Trong truyện *Dế Mèn bênh vực kẻ yếu,* Dế Mèn đã làm cách nào để bọn nhện phải sợ?

A. Đưa ra những lời nói rất hống hách và hung dữ.

B. Dùng càng đạp phành phạch để uy hiếp bọn nhện.

C. Lấy càng phá hết các dây tơ chăng ngang lối đi.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Trái nghĩa với từ "hiền lành" là từ gì?

A. Vui tính. B. Độc ác. C. Hiền hậu. D. Đoàn kết.

Câu hỏi 8: Từ nào cùng nghĩa với từ "nhân hậu"?

A. Nhân từ. B. Vui vẻ. C. Đoàn kết. D. Đùm bọc.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Xúm xít. B. Súm sít. C. Sum suê. D. Xum xuê.

Câu hỏi 10: Từ nào cùng nghĩa với từ "đoàn kết"?

A. Trung hậu. B. Vui sướng. C. Đùm bọc. D. Đôn hậu.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Trong bài thơ *Nàng tiên Ốc*, bà già đã nhặt được con ốc có vỏ màu biêng biếc .....

Câu hỏi 2: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Để nguyên vằng vặc trời đêm
Thêm sắc màu phấn cùng em tới trường."

- Đó là chữ .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Câu tục ngữ "Ở hiền gặp ....." khuyên người ta sống nhân hậu sẽ gặp điều tốt đẹp, may mắn.

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu thành ngữ nói về lòng nhân hậu của con người sau: "Thương ..... như thể thương thân."

Câu hỏi 5: Tác giả của bài thơ *Nàng tiên Ốc* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.18, NXB Giáo dục, Năm 2014) là Phan Thị .....

Câu hỏi 6: Từ trái nghĩa với từ "nhân hậu" hoặc "yêu thương" là từ "độc ....."

Câu hỏi 7: Từ trái nghĩa với từ "đùm bọc" hoặc ..... đỡ" là từ "ức hiếp"

Câu hỏi 8: Bài thơ *Truyện cổ nước mình* do nhà thơ Lâm Thị ..... viết.

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Tôi yêu truyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời ..... ."

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống từ thích hợp trong câu sau:

"Dấu ..... báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước nó."

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Điền từ còn thiếu vào ô trống cho phù hợp:

Câu hỏi 1:

Nhiễu	điều	phủ	lấy		gương

Câu hỏi 2:

Ăn	ở	có		mười	phần	chẳng	khó

Câu hỏi 3:

Anh	em	như		tay	chân

Câu hỏi 4:

Cả	bè	hơn		nứa

Câu hỏi 5:

Bẻ	đũa	chẳng	bẻ	được	cả	

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6:

Gà		một	mẹ	chớ	hoài	đá	nhau

Câu hỏi 7:

Thương	nhau		chị	em	gái

Câu hỏi 8:

Anh	em	hoà	thuận	hai		vui	vầy

Câu hỏi 9:

Một	miếng	khi		bằng	gói	khi	no

Câu hỏi 10:

Chết	cả		hơn	sống	một	người

VÒNG 3

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

nhân hậu	nhân từ	hiền từ	đoàn kết	giúp đỡ
ác liệt	cưu mang	ác khẩu	tàn ác	đoàn tụ
độc ác	nhân loại	hung ác	đùm bọc	hiền hậu

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Lòng thương người				
Tình đoàn kết				
Trái nghĩa với nhân hậu				

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong câu thơ sau có tất cả mấy từ phức?

"Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa."

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

A. 3 từ. B. 2 từ. C. 6 từ. D. 4 từ.

Câu hỏi 2: Điền thêm dấu thanh nào vào ***ngâm nghi*** để được từ có nghĩa?

A. Dấu hỏi. B. Dấu ngã.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 3: Trong câu *Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà* sau có bao nhiêu từ đơn?

A. 3 từ. B. 2 từ. C. 6 từ. D. 4 từ.

Câu hỏi 4: Thành ngữ nào dưới đây nói về lòng nhân hậu?

A. Hiền như bụt. B. Dữ như cọp.

C. Chậm như rùa. D. Cả A và C.

Câu hỏi 5: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A. Che chở. B. Trở lên. C. Chở nên. D. Cả A và B.

Câu hỏi 6: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. Trứng gà. B. Trứng minh. C. Chứng tỏ. D. Trứng luộc.

Câu hỏi 7: Từ nào dưới đây trái nghĩa với từ "hiền lành"?

A. Vui tính. B. Độc ác. C. Hiền hậu. D. Đoàn kết.

Câu hỏi 8: Trong bài tập đọc *Thư thăm bạn* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.25, NXB Giáo dục Việt Nam, Năm 2014), Bạn Lương đã tỏ ra thông cảm với bạn Hồng như thế nào?

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

A. Bạn Lương đã hiểu rất rõ về hoàn cảnh đáng thương của Hồng.

B. Bạn Lương đã an ủi, động viên bạn Hồng vượt qua khó khăn.

C. Bạn Lương muốn giúp đỡ bạn Hồng.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Trong câu chuyện *Người ăn xin* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.30, NXB Giáo dục, Năm 2014), hình ảnh ông lão ăn xin đáng thương như thế nào?

A. Đó là một ông già lọm khọm đi trên phố.

B. Dáng của ông trông rất thảm hại, từ khuôn mặt đến quần áo.

C. Trông ông rất già yếu và tiều tụy.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Từ nào sau đây trái nghĩa với từ "đoàn kết"?

A. Chia rẽ. B. Khổ cực. C. Độc ác. D. Cả A, B và C.

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ còn thiếu trong câu thơ sau:

"Chiều rồi bà mới về nhà
Cái gậy đi ....., chân bà theo sau."

(Nguyễn Văn Thắng)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống tiếng thích hợp để hoàn thành lời giải thích sau:

"Việc vận động mọi người góp tiền của để làm việc nghĩa hay việc có ích lợi chung gọi là ..... góp."

Câu hỏi 3: Trong bài tập đọc *Người ăn xin* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.31, NXB Giáo dục, Năm 2014), người ăn xin đã nhìn tác giả ..... bằng đôi mắt đỏ ướt đẫm.

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành các câu thơ sau:

"Người cho ....., người cho cam.
Và anh y sĩ đã mang thuốc vào."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn chỉnh các câu ca dao sau:

"Đôi ta cùng bạn chăn trâu
Cùng mặc áo vá nhuộm nâu một hàng
Bao giờ cho gạo bén sàng
Cho ..... bén gió cho nàng bén anh."

(Sưu tầm)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Cái gì dài một gang tay
Bé vẽ, bé viết ngày ngày ngắn đi."

(Sưu tầm)

- Đó là cái .....

Câu hỏi 7: Điền từ còn thiếu trong các câu thơ sau:

"Bà già thấy chuyện lạ
Bèn cố ý rình xem
Thì thấy một nàng tiên
Bước ra từ ..... nước."

(*Nàng tiên Ốc* – Tiếng Việt 4, Tập 1, tr. 18, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành lời giải thích sau:

"Từ gồm có hai hay nhiều tiếng gọi là ....."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong hai câu ca dao sau:

"Dân ta nhớ một .....:
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh."

(Ca dao)

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành các câu thơ sau:

"Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ ..... ra thứ gì."

(Truyện cổ nước mình)

VÒNG 4

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào là từ ghép?

A. Nhỏ nhắn. B. Nhỏ nhẹ. C. Nhỏ nhoi. D. Nho nhỏ.

Câu hỏi 2: Từ nào dưới đây không phải là từ láy?

A. Tươi cười. B. Tươi tốt. C. Tươi tỉnh. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: Từ nào dưới đây không phải là từ ghép?

A. Nhỏ nhẹ. B. Mềm mỏng. C. Xinh xắn. D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào là từ láy có tiếng "hiền"?

A. Hiền lành. B. Hiền hậu. C. Hiền hòa. D. Hiền dịu.

Câu hỏi 5: Từ "nhỏ nhoi" được phân loại là từ láy gì?

A. Láy âm đầu. B. Láy vần. C. Láy âm, vần. D. Láy tiếng.

Câu hỏi 6: Từ "liêu xiêu" được gọi là từ láy gì?

A. Láy âm đầu. B. Láy vần. C. Láy âm, vần. D. Láy tiếng.

Câu hỏi 7: Trong bài đọc *Một người chính trực* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.36, NXB Giáo Dục 2014), Tô Hiến Thành đã thể hiện sự chính trực thế nào trong việc lập ngôi?

A. Không chịu nhận vàng bạc đút lót để làm sai di chiếu của vua.

B. Lập Thái tử Long Cán lên làm vua theo đúng di chiếu của vua.

C. Từ chối khi được nối ngôi vua.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào là từ ghép tổng hợp có tiếng "nhà"?

A. Nhà máy. B. Nhà chung cư. C. Nhà trẻ. D. Nhà cửa.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ láy âm đầu là từ nào?

A. Xinh xinh. B. Lim dim. C. Làng nhàng. D. Bồng bềnh.

Câu hỏi 10: Trong bài thơ *Tre Việt Nam* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.41, NXB Giáo Dục 2014), hình ảnh nào của tre gợi phẩm chất cần cù của người Việt Nam?

A. Ở đâu tre cũng xanh tươi, cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu.

B. Rễ siêng không ngại đất nghèo, mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều.

C. Thân gầy guộc lá mong manh.

D. Cả A, B và C.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền tiếng thích hợp để tạo từ láy trong câu sau:

"Ánh mặt trời chiếu xuống mặt nước hồ lấp ....."

Câu hỏi 2: Điền từ láy tiếng có âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Gió bắt đầu thổi ....."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu:

"Từ có hai tiếng có nghĩa tạo thành gọi là ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Mọc lên nhọn hoắt như chông
Nắng mưa đều khóa áo lông xù xì
Lớn lên trút bỏ áo đi
Anh em nương tựa sợ gì bão giông."

(Sưu tầm)

- Đó là cây .....

Câu hỏi 5: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp:

"Con trai của vua được chọn để nối ngôi cha gọi là ....."

Câu hỏi 6: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp:

"Việc giới thiệu người có tài có đức để cấp trên lựa chọn gọi là ....."

Câu hỏi 7: Điền từ láy âm đầu "ng" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Em bé rất ....."

Câu hỏi 8: Điền từ láy tiếng có âm đầu "d" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Phút yên tĩnh của rừng ban mai ..... biến mất."

Câu hỏi 9: Điền các từ còn thiếu vào đoạn thơ sau:

"Măng non là búp măng non
Đã mang ..... thẳng thân tròn của tre.
Năm qua đi, tháng qua đi
Tre ..... măng mọc có gì lạ đâu."

(Tre Việt Nam)

Câu hỏi 10: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp:

"..... là bờ cao thường đắp bằng đất hoặc xây bằng gạch, đá để bảo vệ khu vực bên trong."

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

máy bay	lăn tăn	lạt sạt	trăng trắng	vui vẻ
rào rào	leng keng	tim tím	lập loè	xơ xác
học hỏi	xanh xanh	dẻo dai	nhút nhát	lủng củng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Từ láy âm đầu				
Từ láy vần				
Từ láy hoàn toàn				

VÒNG 5

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền tiếng có âm đầu "l" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Ngày rét tôi phải mặc cả áo ..... và áo khoác."

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu: "Lặng người đi vì kinh ngạc hoặc quá xúc động là nghĩa của từ .....".

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Nhác trông vắt vẻo trên cành
Anh chàng Gà Trống tinh nhanh ....."

(Gà Trống và Cáo)

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống tiếng chứa vần "eng" thích hợp trong câu sau:

"Anh ấy dùng cái ..... để xúc đất ngoài vườn."

Câu hỏi 5: Tronh bài những hạt giống nhà vua đã truyền ngôi cho chú bé Chôm vì nhà vua nhận thấy chú bé Chôm là một chú bé "..... và dũng cảm."

Câu hỏi 6: Trong câu chuyện của *Gà Trống và Cáo*, khi nghe Cáo dụ dỗ thì Gà Trống đã đem một con vật ra để doạ Cáo. Đó là cặp .....

Câu hỏi 7: Danh từ chỉ người có trong các câu thơ sau là .....

"Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa."

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Chim gì liệng tựa con thoi
Báo mùa xuân đẹp giữa trời say sưa."

Đó là con .....

Câu hỏi 9: ..... là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm, đơn vị).

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành câu ca dao sau:

"Cười người chớ vội .....
Cười người hôm trước hôm sau người cười."

(Ca dao)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) có nghĩa giống nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

đức độ sáng suốt	tự tin	tự kiêu	đoàn kết	tự cao
lạnh lẽo	lạnh lùng	xế chiều	trung trực	lừa đảo
thật thà	Long thành	vua	gian dối	hoàng hôn
bệ hạ	hiền lành	đồng lòng	tự trọng	thành Thăng Long

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi các từ còn thiếu vào ô trống tương ứng

đức độ sáng suốt	tự tin	tự kiêu	đoàn kết	lừa đảo
thật thà	Long thành	vua	lạnh lẽo	hoàng hôn

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào là danh từ chỉ người?

A. Mưa rào. B. Tia nắng. C. Chớp. D. Bác sĩ.

Câu hỏi 2: Từ nào là từ mà tiếng "trung" có nghĩa là "giữa"?

A. Trung thành. B. Trung hiếu.

C. Trung thu. D. Trung nghĩa.

Câu hỏi 3: Từ nào cùng nghĩa với từ "trung thực"?

A. Trung thành. B. Thật thà.

C. Trung thu. D. Trung hiếu.

Câu hỏi 4: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. Lon nước. B. Lon nửa. C. Non lửa. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A. Xen kẽ. B. Len ken. C. Tiếng kẻn. D. Hoa seng.

Câu hỏi 6: Danh từ nào dưới đây là danh từ chỉ hiện tượng?

A. Ngủ rừng B. Mưa rừng C. Núi rừng D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: Trong bài *Những hạt thóc giống* (Tiếng Việt 4, Tập 1 tr.47, NXB Giáo dục, Năm 2014), nhà vua chọn người như thế nào để truyền ngôi?

A. Nhà vua chọn người trung thực để truyền ngôi.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

B. Nhà vua chọn chú bé Chôm để truyền ngôi.

C. Nhà vua chọn người làm được việc vua giao cho để truyền ngôi.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 8: Trong bài *Gà Trống và Cáo* (Tiếng Việt 4, Tập 1 tr.50, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao Gà Trống không nghe lời của Cáo?

A. Vì Cáo là một kẻ gian ngoan chuyên lừa đảo.

B. Vì những lời nói của Cáo không đúng sự thật.

C. Vì Gà Trống và Cáo vốn là hai con vật có mối thù từ trước.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ ***tự trọng***?

A. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình.

B. Tự quyết định lấy công việc của mình.

C. Tự tin vào bản thân khi làm mọi việc.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Thành ngữ nào dưới đây nói về tính trung thực.

A. Thẳng như ruột ngựa. B. Cây ngay không sợ chết đứng.

C. Ăn có mời làm có khiến. D. Cả A, B và C đều đúng.

VÒNG 6

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Chung gian. B. Trung gian. C. Trung thực. D. Trung thu.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Sắp xếp. B. Xắp xửa. C. Xắp sửa. D. Sắp sếp.

Câu hỏi 3: Trong truyện *Nối dằn vặt của An-đrây-ca* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.55, NXB Giáo dục, Năm 2014), An-đrây-ca làm gì trên đường đi mua thuốc cho ông?

A. Gặp mấy cậu bạn đang đá bóng và rủ cậu vào nhập cuộc.

B. Nhập vào cuộc chơi và quên mất việc đi mua thuốc cho ông.

C. Rất ân hận vì không mua được thuốc cho ông.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây là danh từ?

A. Chạy. B. Con sông. C. Ngôi nhà. D. Cả B và C.

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào có từ "trung" có nghĩa là một lòng một dạ?

A. Trung bình. B. Trung thành. C. Trung gian. D. Trung điểm.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào có nghĩa khác nghĩa với các từ còn lại?

A. Trung thực. B. Trung thành. C. Chân thành. D. Trân trọng.

Câu hỏi 7: Trong câu chuyện *Chị em tôi* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.59, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao mỗi lần nói dối cô chị lại thấy ân hận?

A. Vì cô biết rằng nói dối là một việc làm rất xấu không nên làm.

B. Vì cô thương ba.

C. Vì cô ý thức được việc làm của mình là phụ lòng tin với ba.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Từ nào sau đây có nghĩa trái ngược với "tự ti"?

A. tự ái. B. tự trọng. C. tự tin. D. tự kiêu.

Câu hỏi 9: Tiếng *biên* điền thêm dấu hỏi hay dấu ngã để được tiếng có nghĩa:

A. Dấu hỏi. B. Dấu ngã.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Từ nào dưới đây là danh từ riêng chỉ người?

A. Quốc Toản. B. Quốc kì. C. Tổ quốc. D. Cả A, B và C.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Tìm từ chứa tiếng "sôi" hoặc "xôi" điền vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp: "Tôi rất thích ăn món ..... vì nó đỏ và rất ngon."

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành câu tục ngữ sau:

"Ăn kĩ no lâu, cày ..... tốt lúa."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Tự trách mình, làm cho đau đớn, buồn khổ một cách dai dẳng gọi là .....".

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Bật lưỡi thành tiếng để tỏ ý bỏ qua dù còn phân vân, áy náy gọi là .....".

Câu hỏi 5: Tìm từ có chứa tiếng "sấu" hoặc "xấu" điền vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp: "..... là loài động vật sống cả trên cạn và dưới nước."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Điền từ có thanh hỏi vào chỗ trống thích hợp trong câu thành ngữ sau:

"Nước ..... đá mòn."

Câu hỏi 7: Điền từ có thanh ngã vào chỗ trống thích hợp trong câu thành ngữ sau:

"Ăn một bát cháo chạy ba ..... đồng."

Câu hỏi 8: Điền danh từ riêng vào chỗ trống thích hợp trong các câu sau:

"Cánh cò bay lả dập dờn
Mây mờ che đỉnh ..... sớm chiều."
(Nguyễn Đình Thi)

Câu hỏi 9: Điền từ có tiếng "tự" vào chỗ trống thích hợp trong câu sau:

"Chúng ta có quyền ..... về những truyền thống vẻ vang của dân tộc."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"..... là một lòng, một dạ gắn bó với lí tưởng, tổ chức hay một người nào đó."

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Cây		không	sợ	chết	đứng

Câu hỏi 2:

Đói	cho		rách	cho	

Câu hỏi 3:

Giấy	rách	phải	giữ	lấy	

Câu hỏi 4:

Chết		hơn	sống	nhục

Câu hỏi 5:

Bắn	súng	không		phải	đền	đạn

Câu hỏi 6:

Ăn	mặn	nói	ngay	hơn	ăn		nói	dối

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7:

Ăn	có		chơi	có	chốn

Câu hỏi 8:

Cái		đánh	chết	cái	đẹp

Câu hỏi 9:

Khôn	ngoan	chẳng		thật	thà

Câu hỏi 10:

Khôn	ngoan	đến	cửa		mới	biết

VÒNG 7

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Tìm tiếng có âm đầu "tr" hoặc "ch" điền vào chỗ trống trong câu sau:

"Thứ bảy này lớp em lao động ..... cây."

Câu hỏi 2: Điền từ có tiếng có vần "ươn" hoặc "ương" vào chỗ trống trong các câu:

"Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
..... trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành."

(Tre Việt Nam)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Cơ sở sản xuất lớn về nông nghiệp do Nhà nước tổ chức và quản lí gọi là ....."

Câu hỏi 4: Tác giả của bài tập đọc *Chị em tôi* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.59, NXB Giáo dục, Năm 2014) là .....

Câu hỏi 5: Tìm từ có tiếng "trí" hoặc "chí" có nghĩa như sau:

"Ý muốn bền bỉ theo đuổi đến cùng một mục đích tốt đẹp là nghĩa của từ ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Tìm từ có tiếng chứa vần "ươn" hoặc "ương" có nghĩa như sau:

"Tạo ra trong trí óc hình ảnh những cái không có ở trước mắt hay chưa từng có là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 7: Tìm từ có tiếng chứa vần "ươn" hoặc "ương" có nghĩa như sau:

"Cố gắng tiến lên để đạt tới mức cao hơn, tốt đẹp hơn là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 8: Tìm tên tỉnh điền vào các chỗ trống thích hợp trong các câu sau:

".....có suối đãi vàng
Có hồ Ba Bể có nàng áo xanh."

Câu hỏi 9: Tìm từ có tiếng "trí" hoặc "chí" có nghĩa như sau: "Khả năng suy nghĩ và hiểu biết của một người là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống tên địa danh thích hợp trong các câu sau:

"Chiếu Nga Sơn, gạch .....
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông."

(Ca dao)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các thành phố sau, thành phố nào là thủ đô của nước Việt Nam?

A. Hà Nội. B. Ninh Bình.
C. Hải Phòng. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Thu Hà. B. thu đông. C. thu Đông. D. Thu Đông.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào khác với các từ còn lại?

A. Hà Nội. B. Hà Nam. C. Hà Giang. D. Hà thành.

Câu hỏi 4: Trong bài *Trung thu độc lập* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.66, NXB Giáo dục, Năm 2014), vẻ đẹp của đất nước trong tương lai do anh chiến sĩ tưởng tượng có gì khác trăng thu độc lập?

A. Đó là vẻ đẹp của một đất nước đã phát triển, hiện đại và giàu có.
B. Đó là vẻ đẹp có bàn tay người lao động làm ra cuộc sống mới.
C. Đó là vẻ đẹp tiềm ẩn trong một tài nguyên vô giá của đất nước.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 5: Bài tập đọc *Trung thu độc lập* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.70, NXB Giáo dục, Năm 2014) là của tác giả nào?

A. Tô Hoài. B. Thép Mới. C. Huy Du. D. Định Hải.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Trong bài *Ở Vương quốc Tương Lai* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.70, NXB Giáo dục, Năm 2014), những trái cây trong khu vườn kì diệu có gì khác thường?

A. Tất cả đều to hơn bình thường rất nhiều.

B. Tất cả đều hấp dẫn và rất đẹp.

C. Tất cả đều tự động đưa vào miệng khi muốn ăn.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: Tiếng *tre* ghép được với tiếng nào dưới đây để được từ có nghĩa?

A. tiếng *giấu.* B. tiếng *nứa.* C. tiếng *chở.* D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Tiếng nào dưới đây ghép được với tiếng *trung* để được từ có nghĩa?

A. tiếng *tâm.* B. tiếng *kết.* C. tiếng *khảo.* D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: Nội dung bài tập đọc *Ở Vương quốc Tương Lai* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.70, NXB Giáo dục, Năm 2014) là gì?

A. Nói lên mơ ước của các bạn nhỏ về cuộc sống tương lai tốt đẹp.

B. Ca ngợi khả năng phát triển của khoa học hiện nay.

C. Kể về câu chuyện do Tin-tin và Mi-tin tưởng tượng ra.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Trường của bạn ấy là một trường tiểu học .....

A. vùng cao. B. Vùng cao. C. Vùng Cao. D. vùng Cao.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Nguyễn Huệ	Trường Sơn	núi non	Thái Bình	Châu Thành
giáo viên	Quang Trung	Ba Vì	Vừ A Dính	Thu Hà
mây mưa	hồng hào	sông ngòi	bay lượn	tươi tốt

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Danh từ chỉ tên người				
Danh từ chỉ tên địa lí				
Danh từ chung				

VÒNG 8

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Bài thơ *Nếu chúng mình có phép lạ* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.76, NXB Giáo dục, Năm 2014) của tác giả nào?

A. Nguyễn Duy. B. Định Hải. C. Thanh Hải. D. Trần Ngọc.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Ê-đi Xơn. B. Ê Đi-xơn. C. Ê-đi-xơn. D. Ê-Đi-Xơn.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết đúng tên riêng nước ngoài?

A. Tô-Ki-Ô. B. Tô Ki Ô. C. Tô-ki-ô. D. Tô ki ô.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào là tên địa lí nước ngoài?

A. Buôn Ma Thuột. B. Khổng Tử.

C. Luân Đôn. D. Đăk Lăk.

Câu hỏi 5: Câu thơ "Hoá trái bom thành trái ngon" trong bài *Nếu chúng mình có phép lạ* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.76, NXB Giáo dục, Năm 2014) có ý nghĩa gì?

A. Nói lên khát vọng hoà bình của các bạn nhỏ.

B. Các bạn mong muốn có nhiều hoa thơm trái ngọt trên Trái Đất.

C. Các bạn mong muốn chiến tranh chỉ là một trò chơi hàng ngày.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Chữ cái *gi* ghép được với vần nào dưới đây để được tiếng có nghĩa?

A. Vần *an*. B. Vần *ang*. C. Vần *ong*. D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Chữ cái *d* ghép được với vần nào dưới đây để được tiếng có nghĩa?

A. Vần *up.* B. Vần *ưa.* C. Vần *ut.* D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau:

"Bầy ong ..... trăm miền
Rù rì đôi cánh nối liền mùa hoa."
(Nguyễn Đức Mậu)

A. rong ruổi. B. dong duổi. C. giong ruổi. D. dong ruổi.

Câu hỏi 9: Câu chuyện *Chú dế sau lò sưởi* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.78, NXB Giáo dục, Năm 2014) là của tác giả nào?

A. Xu-Phe-Rốp. B. Xu-phe-rốp.
C. Xu Phe-rốp. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Trong bài *Đôi giày ba ta màu xanh* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.81, NXB Giáo dục, Năm 2014), tại sao tác giả lại động viên cậu bé bằng cách tặng cho cậu đôi giày ba ta?

A. Vì chị nghĩ Lái sẽ rất vui khi có được đôi giày đó.
B. Vì chị muốn Lái bằng bạn bằng bè trong ngày đầu đến trường.
C. Vì đôi giày sẽ giúp được Lái trong việc đi lại khó khăn.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền tiếng có vần "iên" hoặc "iêng" thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Nhà xa nên cậu ấy ..... tục phải nghỉ học."

Câu hỏi 2: Điền từ có tiếng "ăn" thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Cô ấy thường ..... để giảm béo."

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống từ thích hợp với lời giải nghĩa sau:

"Tuyên truyền, giải thích, động viên để người khác tự nguyện làm theo một việc nào đó gọi là ....."

Câu hỏi 4: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Một mẹ mà đẻ trăm con.
Có ba mắt tròn một sọ rắn câng."

- Đó là cây .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Dấu ..... thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Điền từ còn thiếu để hoàn thành các câu thơ sau:

"Nếu chúng mình có phép lạ
..... thành người lớn ngay."

(Nếu chúng mình có phép lạ)

Câu hỏi 7: Điền danh từ riêng thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

"Mịt mù khói tỏa màn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương ....."

(Ca dao)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Đất nước ..... được coi là xứ sở của hoa anh đào."

Câu hỏi 9: Tên của một chú bé, nhân vật chính trong câu chuyện *Đôi giày ba ta màu xanh* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.81, NXB Giáo dục, Năm 2014) là .....

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống từ thích hợp trong các câu thơ sau:

"Nếu chúng mình có phép lạ
Hoá trái bom thành trái ngon
Trong ..... không còn thuốc nổ
Chỉ toàn kẹo với bi tròn."

(*Nếu chúng mình có phép lạ* - Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.77, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Đầu	năm	sương	muối	cuối	năm		nồm

Câu hỏi 2:

Cái		cái	tóc	là	gốc	con	người

Câu hỏi 3:

Chân	ngoài		hơn	chân	trong

Câu hỏi 4:

Tháng	tám	nắng		trái	bưởi

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5:

	vàng	biển	bạc

Câu hỏi 6:

Cháy	nhà	mới		mặt	chuột

Câu hỏi 7:

Trồng	cây	gây	

Câu hỏi 8:

Cái	kim	bọc		lâu	ngày	cũng	ra

Câu hỏi 9:

Cây	muốn	lặng		chẳng	đừng

Câu hỏi 10:

Cơm		canh	ngọt

VÒNG 9

Bài thi số 1: THÁM TỬ ONG VÀNG

Sắp xếp các từ trong các ô sau thành một khổ thơ:

ngày xưa	bờ	tự	Thân	lá
thành	tre xanh	bao giờ?	Chuyện	gầy guộc
Tre xanh	đã	có	Mà sao	luỹ
xanh	mong manh	nên	tre ơi?	nên

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: .....

.....

.....

.....

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Những cử chỉ, hành động, cảm xúc, ý nghĩ chợt đến một cách thình lình, ngoài chủ định gọi là .....".

Câu hỏi 2: Trong câu chuyện *Thưa chuyện với mẹ* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.85, NXB Giáo dục, Năm 2014), Cương đã thưa chuyện với mẹ để xin học nghề .....

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: ..... là mong muốn thực hiện được những điều tốt đẹp trong tương lai."

Câu hỏi 4: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Quả gì nhiều mắt
Khi chín nứt ra
Ruột trắng nõn nà
Hạt đen nhanh nhánh?"

- Đó là quả .....

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thiện hai câu ca dao sau:

"Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
Bay cao thì ..... bay vừa thì râm."

Câu hỏi 6: Điền từ có âm đầu "l" thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Đố ai ..... xuống vực sâu
Mà đo miệng cá, uốn câu cho vừa."

(Ca dao)

Câu hỏi 7: Điền từ có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc ..... phơi bóng vàng."

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong hai câu thơ sau:

"Làm thợ rèn mùa hè có .....
Quai một trận, nước tu ừng ực."

(Khánh Nguyên)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Điền từ có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống trong câu tục ngữ sau:

"Con có cha như nhà có ....."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Lúc ấy, nhà vua mới hiểu rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn ....."

(*Điều ước của vua Mi-đat* – Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.90, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: "Sự mong mỏi, tưởng tượng nhiều trong trí óc" là nghĩa của từ nào sau đây?

A. Mơ ước. B. Mơ mộng. C. Mơ hồ. D. Mơ tưởng.

Câu hỏi 2: Trong câu chuyện *Điều ước của vua Mi-đat* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.90, NXB Giáo dục, Năm 2014) thứ gì sau đây không được nhắc đến?

A. Cành sồi. B. Quả táo. C. Thức ăn. D. Xe máy.

Câu hỏi 3: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. Buôn bán. B. Buông bán. C. Buôn làng. D. Buồng cau.

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A. Lo ấm. B. No ấm. C. Lo nắng. D. No nắng.

Câu hỏi 5: Ánh trăng chiếu sáng một vùng núi rừng được gọi là gì?

A. Trăng xanh. B. Trăng ngàn. C. Trăng núi. D. Trăng nước.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào là động từ?

A. Tấm lòng. B. Lòng vòng. C. Nản lòng. D. Lòng dạ.

Câu hỏi 7: Ý nghĩa của câu chuyện *Vua Mi-đát thích vàng* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.90, NXB Giáo dục, Năm 2014) là gì?

A. Kể về một ông vua tham lam.

B. Khuyên ta không nên tham lam, sẽ có hại cho bản thân.

C. Những ước muốn tham lam sẽ không đem lại hạnh phúc cho ta.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây không dùng tả cảnh rừng núi?

A. Sừng sững. B. Trùng điệp. C. Nhấp nhô. D. Bát ngát.

Câu hỏi 9: Trong câu chuyện *Thưa chuyện với mẹ* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.85, NXB Giáo dục, Năm 2014), Cương đã thuyết phục mẹ bằng cách nào?

A. Nói với mẹ bằng giọng xúc động đầy tình cảm.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

B. Đưa ra dẫn chứng về nghề nghiệp khác nhau trên thực tế.

C. Nói với mẹ về thu nhập khi đi làm để mẹ đồng ý.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Thành ngữ "Ước sao được vậy" có nghĩa là gì?

A. Mơ ước được thực hiện một cách tốt đẹp.

B. Muốn điều gì là có ngay được điều đó.

C. Nói về một điều ước tốt đẹp.

D. Đáp án khác.

VÒNG 10

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu .....
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành."

(Tre Việt Nam)

Câu hỏi 2: Điền danh từ riêng thích hợp vào chỗ trống trong các câu:

"Rủ nhau chơi khắp .....
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai
Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai
Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Bài, Hàng Khay."

(Ca dao)

Câu hỏi 3: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong câu văn sau:

"Dưới tầm cánh chú chuồn chuồn bây giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước ....."

(Chú chuồn chuồn nước)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Nếu chúng mình có phép lạ
Bắt ..... nảy mầm nhanh."

(*Nếu chúng mình có phép lạ*, Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.76, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Động từ chỉ hoạt động trong câu sau là .....:

"Nếu chúng mình có phép lạ
Hoá trái bom thành trái ngon
Trong ruột không còn thuốc nổ
Chỉ toàn kẹo với bi tròn."

(*Nếu chúng mình có phép lạ*, Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.76, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Các từ: hoa, lá, cỏ, cây, mèo, chuột, chim đều thuộc nhóm từ ....."

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Các từ: vắt vẻo, tre trẻ, khéo léo, sóng sánh đều thuộc nhóm từ ....."

Câu hỏi 8: Điền từ láy còn thiếu vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Sáng nay trời đổ mưa rào
Nắng trong trái chín ..... hương bay"

(*Mẹ ốm* – Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.9, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Các từ: ăn, uống, chạy, nhảy, hát, múa, lao động đều thuộc nhóm từ chỉ ....."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Các từ: vui, buồn, giận, lo lắng, sợ hãi đều thuộc nhóm từ chỉ ....."

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ (cụm từ) sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

ruộng đồng	làm ruộng	dạy học	giáo viên	trồng cây
mệt mỏi	chăm chú	mơ hồ	bộ đội	cây lúa
thênh thanh	bắn súng	giảng bài	say sưa	đồng đội

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Động từ chỉ hoạt động				
Động từ chỉ trạng thái				
Danh từ chỉ nghề nghiệp				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào dưới đây không phải là từ láy?

A. Chăm chỉ. B. Chăm chăm. C. Chăm trú. D. Chăm chắm.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

A. Phố phường. B. Lúng liếng. C. Vui tươi. D. Tình cảm.

Câu hỏi 3: Câu thơ "Hái triệu vì sao xuống cùng" có trong bài tập đọc nào:

A. *Truyện cổ nước mình.* B. *Nếu chúng mình có phép lạ.*

C. *Gà Trống và Cáo.* D. Đáp án khác.

Câu hỏi 4: Bài tập đọc nào dưới đây ca ngợi sự cảm thông chia sẻ đối với con người?

A. Đôi giày ba ta màu xanh. B. Những hạt thóc giống.

C. Thư thăm bạn. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Từ còn thiếu trong câu: "Một làn hơi ..... tỏa trên mặt nước." là từ nào?

A. nhẹ nhàng. B. nhè nhẹ. C. nhẹ nhõm. D. nhỏ nhẹ.

Câu hỏi 6: Trong câu: "Cô giáo đồng ý cho chúng tôi ở nhà làm bài." có mấy động từ?

A. 2 động từ. B. 3 động từ. C. 4 động từ. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

A. San sẻ. B. Sang sảng. C. Sang sông. D. Sản vật.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Núng niếng. B. Đậu lành. C. Biền biệc. D. Biệt tích.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Nhân ái. B. Nân á. C. Nưu luyến. D. Dộn dàng.

Câu hỏi 10: Trong các động từ sau, động từ nào không chỉ hoạt động?

A. Đùa vui. B. Bắt. C. Nổi lên. D. Viết.

VÒNG 11

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Hãy lo ..... chí câu cua,
Dù ai câu trạch, câu rùa mặc ai!"

(Ca dao)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu:

"Quả ớt như ngọn lửa đèn dầu
Chạm đầu lưỡi, chạm vào ..... nóng."

(Phạm Tiến Duật)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Hết hè, cháu vẫn ..... xa
Chào mào vẫn hót. Mùa na sắp tàn."

(*Mùa na chín* – Lê Thái Sơn)

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành câu sau:

"Trăng ..... còn tỏ hơn sao
Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải nghĩa sau:

"Cảm giác thấy rất lạ trước điều hoàn toàn không ngờ gọi là ....."

Câu hỏi 6: Điền tính từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

"Người thanh tiếng nói cũng thanh
Chuông kêu ..... đánh bên mình cũng kêu."

(Ca dao)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,... gọi là ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Các câu văn sau nhắc đến một Trạng nguyên của nước ta:

"Đã học thì cũng phải đèn sách như ai nhưng sách của chú là lưng trâu, nền cát, bút là ngón tay hay mảnh gạch vỡ; còn đèn là vỏ trứng thả đom đóm vào trong."

(Trinh Đường)

- Tên của vị trạng nguyên đó là Nguyễn .....

Câu hỏi 9: Điền tính từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa ..... tháng năm
Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 10: Con vật nào được nhắc đến trong các câu sau:

"Bốn chân ngắn tủn,
Trên lưng đội nhà,
Sống đến rất già,
Thọ hơn trăm tuổi."

(Sưu tầm)

- Đó là con .....

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

học sinh	chăm chỉ	chiến sĩ	luyện tập	thao trường
trường học	chiến đấu	chăm sóc	lo lắng	vui vẻ
rôm rả	cần cù	lao động	hi sinh	nhưng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Danh từ				
Tính từ				
Động từ				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Vị Trạng nguyên nào được gọi là Trạng Trình?

A. Nguyễn Bỉnh Khiêm. B. Nguyễn Dữ.

C. Nguyễn Trãi. D. Nguyễn Hiền.

Câu hỏi 2: Trong những từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Xa xôi. B. Phù sa. C. Xa xỉ. D. Sa hoa.

Câu hỏi 3: Từ "thông minh" trong câu: "Nguyên Bảo là một cậu bé rất thông minh." là từ loại gì?

A. Tính từ. B. Danh từ. C. Động từ. D. Trạng từ.

Câu hỏi 4: Trong bài *Ông Trạng thả diều* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.104, NXB Giáo dục, Năm 2014), những chi tiết nào nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền?

A. Chú học đến đâu hiểu ngay đến đó.

B. Một ngày chú thuộc 20 trang sách mà vẫn có thời gian chơi diều.

C. Chú có trí nhớ lạ thường.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 5: Từ "quyết định" trong câu: "Quyết định đó làm tôi vui sướng" là từ loại gì?

A. Danh từ. B. Động từ. C. Tính từ. D. Đại từ.

Câu hỏi 6: Trong bài *Ông Trạng thả diều* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.104, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao chú bé Hiền được gọi là ông trạng thả diều?

A. Vì chú rất ham chơi diều.

B. Vì diều của chú luôn bay cao hơn các bạn.

C. Vì chú đỗ trạng nguyên khi vẫn còn ở tuổi thả diều.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Từ "sải" trong câu "Gió và nắng sải cánh..." là:

A. Động từ chỉ trạng thái. B. Động từ chỉ hoạt động.

C. Tính từ. D. Danh từ.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào là tính từ?

A. Cây cối. B. Sông suối. C. Núi non. D. Rậm rạp.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào là tính từ?

A. Mơ. B. Mờ. C. Mỡ. D. Mợ.

Câu hỏi 10: Hai câu ca dao sau khuyên ta điều gì:

"Ai ơi đã quyết thì hành
Đã đan thì lận tròn vành mới thôi!"

A. Khuyên ta cần kiên trì làm việc thì mọi việc đều sẽ thành công.

B. Khuyên chúng ta tiết kiệm thời gian và tiền của.

C. Ca ngợi những con người biết vượt qua mọi khó khăn gian khổ.

D. Cả A, B và C đều sai.

VÒNG 12

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Nước lã mà vã nên hồ
Tay không mà ..... cơ đồ mới ngoan."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 2: Điền từ có vần **ươn** hoặc **ương** thích hợp vào chỗ trống:

"Ăn trông nồi, ngồi trông ....."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải nghĩa sau:

"Cửa hàng chuyên nhận đồ của những người đang túng bấn đem gửi để vay một số tiền gọi là hiệu ....."

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "tr" hoặc "ch" thích hợp trong câu sau:

"Chuột ..... có bầy, chim bay có bạn."

(Tục ngữ)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Điền tính từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Có ..... mới thanh nhàn
Không dưng ai dễ cầm tàn che cho."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Để nguội thì lỏng,
Đun nóng thì đông,
Một bụng mà có hai lòng,
Một thân mà có hai vùng nhỏ to."

(Sưu tầm)

- Đó là quả .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu giải thích sau:

"Việc chiếm giữ một mình, không chia sẻ cho ai gọi là ....."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu giải thích sau:

"Việc dày công luyện tập, không nề hà vất vả gọi là ....."

Câu hỏi 9: Điền tiếng có vần **uôn** hoặc **uông** thích hợp vào chỗ trống: "Trong rừng, chim chóc, ... thú sống vui vẻ."

Câu hỏi 10: Tìm từ chứa tiếng "chí" điền vào chỗ trống sau đây cho phù hợp:

"..... là ý thức, tình cảm tự giác, mạnh mẽ, quyết tâm dồn sức lực, trí tuệ đạt cho bằng được mục đích."

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào có chứa tiếng "chí" với ý nghĩa là ý muốn bền bỉ, theo đuổi một mục đích?

A. Chí khí. B. Chí tình. C. Chí công. D. Chí lí.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. Vương vấn. B. Vương vai. C. Vương quốc. D. Vương vãi.

Câu hỏi 3: Từ nào trong các từ sau chỉ sự "chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ"?

A. Quyết chí. B. Kiên trì. C. Kiên cố. D. Kiên nhẫn.

Câu hỏi 4: Làm việc một cách liên tục, bền bỉ được gọi là gì?

A. Kiên trì. B. Kiên trung. C. Kiên cố. D. Kiên tâm.

Câu hỏi 5: Câu tục ngữ "Lửa thử vàng, gian nan thử sức" ý nói gì?

A. Con người ta cần phải biết vượt qua mọi khó khăn thử thách.

B. Trong khó khăn gian nan mới biết tài năng ý chí con người.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

C. Người tài giỏi thường phải trải qua khó khăn gian nan vất vả.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Nhờ đâu mà "Vua tàu thuỷ" Bạch Thái Bưởi đã thành công?

A. Nhờ vào ý chí, nghị lực.

B. Nhờ ông có óc kinh doanh và biết khơi dậy niềm tin ở mọi người.

C. Nhờ sự thông minh trong việc làm.

D. Cả B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "ý chí"?

A. Quyết chí. B. Nản chí. C. Quyết tâm. D. Kiên nhẫn.

Câu hỏi 8: Trong câu chuyện *Vẽ trứng* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.120, NXB Giáo dục, Năm 2014), nguyên nhân nào khiến Lê-ô-nác-đô trở thành một hoạ sĩ nổi tiếng?

A. Do ông ham thích vẽ từ nhỏ.

B. Do ông có tài bẩm sinh và có thầy dạy giỏi và tận tâm.

C. Do ông khổ luyện, miệt mài và có ý chí quyết tâm học vẽ.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: Trong các tiếng sau, tiếng nào không thể kết hợp với tiếng "chí" để thành từ có nghĩa?

A. Khí. B. Hoa. C. Hướng. D. Quyết.

Câu hỏi 10: Trong câu chuyện *Vẽ trứng* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.120, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao Lê-ô-nác-đô thấy chán ngán trong những ngày đầu học vẽ?

A. Vì mấy ngày đầu thầy chỉ cho Lê-ô-nác-đô vẽ trứng.

B. Vì Lê-ô-nác-đô là một người lúc thế này, lúc thế khác.

C. Vì việc vẽ trứng quá đơn giản, không hứng thú chút nào?

D. Cả B và C đều đúng.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Lửa	thử	vàng		nan	thử	sức

Câu hỏi 2:

Tay		mà	nổi	cơ	đồ	mới	ngoan

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3:

Có	vất	vả	mới		nhàn

Câu hỏi 4:

Nước	lã	mà		nên	hồ

Câu hỏi 5:

Có		thì	nên

Câu hỏi 6:

Thua	keo	này		keo	khác

Câu hỏi 7:

Nước	chảy	đá	

Câu hỏi 8:

Chớ	thấy	sóng		mà	ngã	tay	chèo

Câu hỏi 9:

Thất	bại	là		thành	công

Câu hỏi 10:

Thắng	không	kiêu	bại	không	

VÒNG 13

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. Nóng nảy. B. Nóng nực. C. Nóng ngóng. D. Nóng lòng.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào là danh từ?

A. Trí thức. B. Nản chí. C. Quyết chí. D. Thoái chí.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Trong bài đọc *Văn hay chữ tốt* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.129, NXB Giáo dục, Năm 2014), buổi tối Cao Bá Quát viết bao nhiêu trang vở mới đi ngủ?

A. Chín trang. B. Năm trang. C. Mười trang. D. Mười quyển.

Câu hỏi 4: Trong bài đọc *Văn hay chữ tốt* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.129, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao Cao Bá Quát lại thường bị điểm kém?

A. Vì ông học giỏi nhưng lại thiếu cẩn thận trong khi làm bài.

B. Vì ông học giỏi nhưng chữ của ông lại rất xấu.

C. Vì ông viết xấu và thiếu cẩn thận trong khi làm bài.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Ăn lo. B. Làm ăn. C. Làm việc. D. Làm lụng.

Câu hỏi 6: Trong bài đọc *Người tìm đường lên các vì sao* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.125, NXB Giáo dục, Năm 2014), Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào?

A. Ông đã nhảy qua cửa sổ để bay theo những cánh chim.

B. Ông đọc rất nhiều sách và hì hục làm thí nghiệm hàng trăm lần.

C. Ông tiết kiệm, đi sâu nghiên cứu lí thuyết bay trong không gian.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Từ nào dưới đây có thể điền vào chỗ trống trong câu: "Nhờ sự ..... Huy đã đạt giải cao nhất trong kì thi."

A. quyết tâm. B. cương quyết. C. kiên trì. D. bền bỉ.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây có nghĩa trái ngược với *dễ dàng*?

A. Khó khăn. B. Gian khổ. C. Thử thách. D. Đơn giản.

Câu hỏi 9: Câu hỏi nào dưới đây là câu tự hỏi mình?

A. Chúng ta đã gặp nhau ở đâu rồi phải không?

B. Mình đã gặp cậu ta ở đâu rồi thì phải?

C. Hình như mình đã gặp cậu ở đâu rồi?

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: Tiếng nào ghép được với tiếng *lương* để được từ đúng?

A. *thực.* B. *rẫy.* C. *tựa.* D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ (cụm từ) sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

đu quay	kiên cường	bịt mắt bắt dê	chán nản	kiên trì
sờn lòng	nản chí	nhụt chí	chơi chuyền	thả đỉa ba ba
chơi ô ăn quan	chí khí	quyết chí	gian nan	khó khăn
Đồng nghĩa với ý chí				
Trái nghĩa với nghị lực				
Trò chơi dân gian				

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ có tiếng có âm đầu "l" hoặc "n" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Bàn tay ta làm ..... tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm."

(Hoàng Trung Thông)

Câu hỏi 2: Điền từ có vần có **i** hoặc **iê** thích hợp vào chỗ trống:

"Thứ nhất sợ kẻ anh hùng,
Thứ nhì sợ kẻ bần cùng ..... thân."

(Ca dao)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống để hoàn thành lời giải nghĩa sau:

"Việc lập tài liệu kĩ thuật để theo đó mà xây dựng công trình hay sản xuất thiết bị gọi là ....."

Câu hỏi 4: Điền từ có tiếng có âm đầu "l" hoặc "n" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Vàng thì thử lửa, thử than
Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử ....."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Cho dẫu có khó khăn, trở ngại, vẫn vững vàng, bền bỉ làm việc là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 6: Điền từ láy âm đầu "n" vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp:

"Bấy lâu sao chẳng .....
Bây giờ năng nói thì trăng xế tà."

(Ca dao)

Câu hỏi 7: Điền từ có tiếng "chí" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Những câu nói của anh ấy thật là ....."

Câu hỏi 8: Điền dấu câu thích hợp vào cuối câu sau:

"Cậu thích chơi diều hay chơi đá bóng hơn ( )"

Câu hỏi 9: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Một nhà bốn tấm rào thưa
Bên trong một gã ngủ trưa làm lười
Suốt ngày chỉ biết ngoáy đuôi
Mũi thì khụt khịt ở nơi bùn lầy."

(Sưu tầm)

- Đó là con .....

Câu hỏi 10: Điền từ có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Khéo ăn thì ..... khéo co thì ấm."

(Tục ngữ)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 14

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ láy âm đầu "s" hoặc "x" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa
Sang đâu đến kẻ ..... rượu chè."

(Ca dao)

Câu hỏi 2: Điền một tiếng có vần **ât** hoặc **âc** thích hợp vào chỗ trống:

"Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu ..... đất ..... vàng bấy nhiêu."

(Ca dao)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong câu sau:

"Người lính cưỡi ngựa thuộc tầng lớp quý tộc ngày xưa gọi là ....."

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "s" để hoàn thành các câu ca dao sau:

"Tối trời trăng ..... hơn sao
Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu giải thích sau:

"Trạng thái đột ngột mất tự chủ do bị đe doạ bất ngờ gọi là ....."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thì thầm tiếng xưa
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng....."

(Lâm Thị Mĩ Dạ)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong câu: "Hăng hái nhất và khoẻ nhất là ***bác cần trục***. Bộ phận in đậm trả lời cho Câu hỏi ....."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong câu: "Trước giờ học, chúng em thường ***rủ nhau ôn bài***. Bộ phận in đậm trả lời cho Câu hỏi ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Từ nghi vấn trong câu: "Chú bé Đất đã trở thành chú Đất Nung phải không?" là .....

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Bay khắp đây đó
Có nó vui lây
Bởi tiếng hót hay
Nhiều người bắt chước."

- Đó là con .....

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Sờn lòng. B. Bồng xúng. C. Bồng súng. D. Dòng sông.

Câu hỏi 2: Câu hỏi trong câu: "Em có học bài ngay không nào?" được dùng vào mục đích gì?

A. Khen. B. Khẳng định. C. Chê. D. Đề nghị.

Câu hỏi 3: Tiếng nào dưới đây ghép với tiếng *tấc* được từ viết đúng chính tả?

A. Chân. B. Vải.

C. Đất. D. Cả B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: Chữ cái nào dưới đây ghép với vần *âc* để được tiếng có nghĩa?

A. Chữ *kh*. B. Chữ *h*.

C. Chữ *m*. D. Cả A và B đều sai.

Câu hỏi 5: Câu hỏi nào cho câu trả lời "Bến cảng lúc nào cũng đông vui."?

A. Bến cảng như thế nào?

B. Khi nào thì bến cảng cũng đông vui?

C. Tại sao bến cảng cũng đông vui?.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Câu: "Bọn trẻ hay thả diều ngoài chân đê" trả lời cho câu hỏi nào sau đây?

A. Bọn trẻ hay thả diều khi nào? B. Bọn trẻ hay thả diều ở đâu?

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 7: Câu: "Bạn thích trò chơi nào nhất?" có từ nghi vấn là từ nào?

A. Thích. B. Trò chơi. C. Nào. D. Nhất.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Câu: "Sao bạn ấy học giỏi thế nhỉ?" thể hiện điều gì?

A. Thể hiện thái độ khen ngợi.
B. Thể hiện sự khẳng định.
C. Thể hiện một yêu cầu.
D. Cả A, B và C đều sai.

Câu hỏi 9: Câu nào dưới đây thể hiện thái độ chê trách?

A. Cậu học như thế thì đạt được cái gì?
B. Cậu lúc nào cũng chăm chỉ học để làm gì?
C. Cậu học giỏi thế, giúp mình bài toán này được không?
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Nội dung toàn bộ câu chuyện *Chú Đất Nung* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.138, NXB Giáo dục, Năm 2014) là gì?

A. Nói lên khó khăn thử thách của chú Đất Nung.
B. Ca ngợi chú Đất Nung đã dũng cảm biến mình thành đất nung.
C. Kể về quá trình chú Đất Nung trở thành cứng rắn hơn.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Có	cứng	mới		được	đầu	gió

Câu hỏi 2:

Có	công	mài	sắt	có		nên	kim

Câu hỏi 3:

Ngày		con	én	đưa	thoi

Câu hỏi 4:

Trông	mặt	mà		hình	dong

Câu hỏi 5:

Nước		lửa	bỏng

Câu hỏi 6:

Chim	có	tổ	người	có	

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7:

Thân	lừa	ưa	

Câu hỏi 8:

Muốn	biết	phải		muốn	giỏi	phải	học

Câu hỏi 9:

Công	cha		mẹ	ơn	thầy

Câu hỏi 10:

Ăn	bữa	trưa		bữa	tối

VÒNG 15

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ có tiếng có âm đầu "ch" hoặc "tr" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Bề trên mà biết bao dung
Thì ..... kẻ dưới hết lòng mến yêu."

(Ca dao)

Câu hỏi 2: Điền tiếng có thanh ngã thích hợp vào chỗ trống:

"Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn ..... hiếu mới là đạo con."

(Ca dao)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Điều mong muốn, đòi hỏi rất mạnh mẽ của con người gọi là ....."

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

""Bịt mắt bắt dê" là một trong số trò chơi ..... phổ biến đối với học sinh."

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Tuổi con là tuổi Ngựa
Ngựa không yên một .....
Tuổi con là tuổi đi..."

(*Tuổi ngựa* – Xuân Quỳnh)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Dẫu cách núi cách rừng
Dẫu cách sông cách biển
Con tìm về với mẹ
Ngựa con ..... nhớ đường."

(Xuân Quỳnh)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"..... là tự hào ra mặt vì cho rằng mình hơn người khác."

Câu hỏi 8: Điền từ có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống sau:

""Chơi chuyền" là trò chơi các bạn ..... thường hay chơi trong giờ ra chơi.

Câu hỏi 9: Điền từ có âm đầu "tr" hoặc "ch" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Các bạn ..... thường hay chơi đá cầu trong giờ ra chơi."

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Đầu mang cánh nỏ đứt dây
Cái lưng đen phản cho bầy sáo chơi
Đến khi đồng áng thảnh thơi
Nằm lim dim mắt miệng xơi rơm vàng."

- Đó là con .....

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong câu: "Cậu mới bị cô giáo phạt chứ gì?" thì câu hỏi đã được sử dụng với mục đích gì?

A. Khen. B. Chê. C. Khẳng định. D. Khuyên bảo.

Câu hỏi 2: Nội dung của bài văn *Cánh diều tuổi thơ* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.146, NXB Giáo dục, Năm 2014) là gì?

A. Nói lên niềm vui sướng và những khát vọng của thời thơ ấu.

B. Miêu tả cánh diều đẹp và thơ mộng đối với quãng đời thơ ấu.

C. Cảm xúc của tác giả về những cánh diều tuổi thơ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Trật chội. B. Chắc chắn. C. Trông ngóng. D. Trật tự.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Trong khổ thơ cuối bài *Tuổi Ngựa* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.149, NXB Giáo dục, Năm 2014), ngựa con đã nhắn nhủ mẹ điều gì?

A. Nhắn mẹ đừng buồn vì dù đi đâu con vẫn tìm đường về với mẹ.

B. Nhắn mẹ hãy giúp đỡ con đi đến mọi miền của đất nước.

C. Nhắn mẹ cùng đi với con thăm các nơi trên đất nước.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 5: Tiếng nào dưới đây điền thêm thanh hỏi để được tiếng có nghĩa?

A. Cam. B. Giưa. C. Miên. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 6: *Trò chơi* có thể được xem là:

A. những cuộc thi đấu diễn ra giữa hai đối phương.

B. những cuộc so tài với nhau của hai hay nhiều người.

C. những cuộc vui nhằm mục đích giải trí.

D. cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Dòng nào dưới đây nêu tên của các trò chơi?

A. Đánh cờ, đánh chuyền, đánh tú lơ khơ, đánh cá.

B. Thi ca múa hát, thi nhảy dây, thi kéo co, thi bóng đá.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 8: Trò chơi nào dưới đây là trò chơi dân gian?

A. Ô ăn quan. B. Bịt mắt bắt dê.

C. Mèo đuổi chuột. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: Tiếng nào dưới đây điền thêm thanh ngã để được tiếng có nghĩa?

A. Nho. B. Pha. C. Thưng. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: Câu hỏi: "Bao giờ thì mình được nghỉ Tết?" dùng để hỏi:

A. Bạn bè. B. Cô giáo.

C. Bố mẹ. D. Cả A, B và C đều sai.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ (cụm từ) sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

bịt mắt bắt dê	rô bốt	búp bê	cờ tướng	mèo đuổi chuột
rồng rắn lên mây	xếp hình	giải ô chữ	cờ vua	nhảy dây
súng bắn nước	bộ xếp hình	máy tính	bóng đá	sân chơi
Trò chơi dân gian				
Trò chơi trí tuệ				
Đồ chơi				

VÒNG 16

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ láy âm đầu "d" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Đất tốt trồng cây rườm rà
Những người thanh lịch nói ra ....."

(Ca dao)

Câu hỏi 2: Điền từ có tiếng có âm đầu r thích hợp vào chỗ trống sau:

"Môn nghệ thuật sân khấu biểu diễn bằng cách điều khiển các hình mẫu giống như người, vật là ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ có tiếng có âm đầu **gi** thích hợp vào chỗ trống sau:

"Việc phát bóng sang phía đối thủ để mở đầu cho một hiệp đấu hoặc một lượt thi đấu gọi là ....."

Câu hỏi 4: Điền từ có chứa vần "ât" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Lời nói chẳng ..... tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Các từ: kéo co, ganh đua, hò reo đều thuộc loại từ ....."

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Mỗi năm tàn lụi một lần
Đầu xuân tới lại đâm nhành tươi xanh
Quả tròn gai nhọn bao quanh
Đỏ như đốm lửa thắp canh trước nhà."

- Đó là quả .....

Câu hỏi 7: Điền từ có tiếng "chơi" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Hè đến, chúng em được ..... một cách thoải mái."

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống một chữ có vần "ât" thích hợp để hoàn thiện thành ngữ chỉ sự trung thực sau:

"Một sự ..... tín vạn sự ..... tin."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành khổ thơ sau:

"Việt Nam đẹp khắp trăm miền,
Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
Xóm làng đồng ruộng rừng cây,
Non cao gió ....., sông đầy nắng chang."

(Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

"Mưu cao chẳng bằng chí ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

tự mãn	Hán tự	văn tự	tự phụ	tự trọng
tự lập	đơn tự	tự hào	thư pháp	tự lực
tự do	tự kiêu	tự ti	tự tin	tự động

Từ chỉ phẩm chất tốt đẹp				
Từ chỉ tính xấu				
Từ chỉ chữ viết				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong bài tập đọc *Kéo co* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.155, NXB Giáo dục, Năm 2014) theo tác giả thì kéo co là một trò chơi dân gian thể hiện tinh thần gì?

A. Dân tộc. B. Thượng võ. C. Đoàn kết. D. Nhân ái.

Câu hỏi 2: Trong bài tập đọc *Kéo co* (Tiếng Việt 4, tập một, tr.155, NXB Giáo dục, Năm 2014), cách chơi kéo co của làng Tích Sơn có gì hay?

A. Là cuộc thi giữa những người con trai với nhau trong hai làng.

B. Là cuộc thi không hạn chế số lượng người tham gia.

C. Là cuộc thi không có sự tham gia của các cô gái trong làng.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Câu hỏi: "Anh có thể tạc giúp tôi một pho tượng Quan Âm không?" được dùng để làm gì?

A. Để chê. B. Để yêu cầu. C. Để khẳng định. D. Để phủ định.

Câu hỏi 4: Chữ cái nào dưới đây ghép với vần *ât* để được tiếng có nghĩa?

A. Chữ d. B. Chữ k. C. Chữ đ. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Thành ngữ "Chơi với lửa" ý nói gì?

A. Đó là một việc làm rất nguy hiểm.

B. Đó là một trò chơi rất nguy hiểm.

C. Liều lĩnh làm việc ắt sẽ gặp tai hoạ.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 6: Qua bài *Trong quán ăn Ba cá bống* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.158, NXB Giáo dục, Năm 2014) Bu-ra-ti-nô cần moi bí mật gì ở lão Ba-ra-ba?

A. Chiếc chìa khoá của kho báu.

B. Những kẻ độc ác đang giữ kho báu.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 7: Thành ngữ "Ở chọn nơi, chơi chọn bạn" ý nói gì:

A. Những nơi sạch sẽ, đẹp sẽ có nhiều người chơi.

B. Những người tốt sẽ có nhiều người chơi.

C. Cần phải biết chọn bạn, chọn nơi sinh sống.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Hồ gián. B. Con gián. C. Cá rán. D. Keo dán.

Câu hỏi 9: Thành ngữ: "Chơi diều đứt dây" có nghĩa là:

A. liều lĩnh ắt gặp tại hoạ.

B. làm ăn bị thua lỗ mất trắng tay.

C. chơi những trò chơi nguy hiểm sẽ ảnh hưởng đến tính mạng.

D. cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Câu: "Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng" dùng để:

A. Miêu tả tiếng sáo diều.

B. Nói lên đặc điểm của tiếng sáo diều.

C. Giới thiệu về cánh diều.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 17

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ điền vào chỗ trống sao cho phù hợp:

"Ở vương quốc nọ có một ..... xinh xinh chừng năm, sáu tuổi."

(Tiếng Việt 4, tập 1, tr.163, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "đ" sao cho phù hợp:

"Làm người phải biết đắn đo
Phải cân nặng nhẹ, phải ..... nông sâu."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 3: Chọn từ điền vào chỗ trống sao cho phù hợp:

"Con gái của vua được gọi là ....."

Câu hỏi 4: Trong câu chuyện *Có rất nhiều mặt trăng* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.164, NXB Giáo dục, Năm 2014), mặt trăng được làm bằng .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Quê hương là con ..... biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng."

(Đỗ Trung Quân)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Khúc nhạc đưa mọi người vào ..... ngủ yên lành."

(Đào Ngọc Dung)

Câu hỏi 7: Điền từ có tiếng âm đầu "d" thích hợp vào chỗ trống:

Trò chơi ..... "Chơi ô ăn quan" là trò chơi tốt cho trí tuệ vì nó rèn luyện việc tính toán để chiến thắng đối phương.

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Câu kể "Ai làm gì?" thường gồm ..... bộ phận là chủ ngữ và vị ngữ.

Câu hỏi 9: Điền tiếng âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong câu tục ngữ sau:

"Giấy ..... phải giữ lấy lề."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 10: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Nhác trông vắt vẻo trên cành
Anh chàng Gà Trống ..... lõi đời."

(*Gà Trống và Cáo* – La-phông-ten)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Câu hỏi nào dưới đây có có câu trả lời là: "Người lớn đánh trâu ra cày."?

A. Ai đánh trâu ra cày? B. Người lớn làm gì?

C. Người lớn đánh trâu làm gì? D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 2: Trong bài *Rất nhiều mặt trăng* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.163, NXB Giáo dục, Năm 2014), cô công chúa nhỏ có nguyện vọng gì?

A. Cô muốn có mặt trăng. B. Cô muốn khỏi bệnh.

C. Cô muốn có nhiều đồ chơi. D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 3: Trong bài *Rất nhiều mặt trăng* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.163, NXB Giáo dục, Năm 2014), cách giải thích của công chúa nói lên điều gì về tác dụng của đồ chơi đối với trẻ em?

A. Đồ chơi đem lại niềm vui rất lớn cho trẻ em.

B. Khi chơi trẻ em thường nghĩ đồ chơi giống như các vật thật.

C. Cách nhìn của trẻ về thế giới xung quanh rất khác người lớn.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: Tiếng nào dưới đây ghép với tiếng *lập* được từ có nghĩa?

A. Tấp. B. Thành. C. Hoà. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Vị ngữ trong câu: "*Thanh niên đeo gùi vào rừng.*" là:

A. đeo gùi. B. vào rừng.

C. đeo gùi vào rừng. D. đáp án khác.

Câu hỏi 6: Vị ngữ trong câu: "*Em nhỏ đùa vui trước sàn nhà.*" là:

A. đùa vui. B. trước sàn nhà

C. sàn nhà. D. cả A, B và C đều không đúng.

Câu hỏi 7: Câu: "Trưa mai chúng tôi ở lại tập văn nghệ." có vị ngữ là:

A. chúng tôi. B. tập văn nghệ.

C. ở lại tập văn nghệ. D. đáp án khác.

Câu hỏi 8: Câu: "Cô dạy em tập viết." có vị ngữ là:

A. dạy. B. dạy em. C. tập viết. D. dạy em tập viết.

Câu hỏi 9: Trong câu đố sau nhắc đến loại cây gì?

"Cây gì lá nhỏ cánh mềm
Hoa như đốm lửa thắp bên vườn nhà
Hè về cây đỏ rực hoa
Sang thu quả chín như là sơn son."

A. Cây cam. B. Cây lựu. C. Cây bưởi. D. Cây chuối.

Câu hỏi 10: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. Ngả đường. B. Ngã nghiêng. C. Ngã ba đường. D. Ngả nghiêng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Cha	mẹ	sinh	con		sinh	tính

Câu hỏi 2:

Cưa	gỗ	thì		cưa	tre	thì	đỡ

Câu hỏi 3:

Công		như	núi	Thái	Sơn

Câu hỏi 4:

Dạy	con	từ	thuở	còn	

Câu hỏi 5:

Tre		măng	mọc

Câu hỏi 6:

Con		xéo	mãi	cũng	quằn

Câu hỏi 7:

Ăn		mặc	bền

Câu hỏi 8:

Nhất	nước	nhì	phân	tam	cần	tứ	

Câu hỏi 9:

Có	bột	mới	gột		hồ

Câu hỏi 10:

Lên	non	mới	biết	non	

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 18

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu tục ngữ sau:

"Môi hở ..... lạnh."

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Các từ: dập dờn, long lanh, ngoan ngoãn, dịu hiền, nhanh nhẹn đều thuộc từ loại là ....."

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "x" hoặc "s" sao cho phù hợp:

"Thấy mặt trăng, công chúa ..... ra khỏi giường bệnh, chạy tung tăng khắp vườn."

(*Rất nhiều mặt trăng* – Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.164, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: Điền từ có âm đầu "ch" hoặc "tr" vào chỗ trống cho phù hợp:

"Cồng ..... là một loại nhạc cụ đúc bằng đồng."

Câu hỏi 5: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Cánh diều ..... như cánh bướm."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Người giáo viên đứng đầu và chịu trách nhiệm chính trong một lớp học, được gọi là giáo viên ....."

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Con gì lông vằn mắt xanh
Dáng đi uyển chuyển, nhe nanh tìm mồi
Thỏ, nai gặp phải hỡi ôi!
Muông thú khiếp sợ tôn ngôi chúa rừng."

Đó là con .....

Câu hỏi 8: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Đậm đà cái tích trầu cau
Miếng trầu đỏ thắm ..... tình người."

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Câu hỏi 9: Tên của tác giả bài đọc *Về thăm bà* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.177, NXB Giáo dục, Năm 2014) là Thạch .....

Câu hỏi 10: Vị ngữ trong câu: "Những con dễ bị sặc nước bò ra khỏi tổ" là .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Giấc ngủ. B. Lặc đổ. C. Giải nhất. D. Cất giấu.

Câu hỏi 2: Từ nào là từ láy trong các từ sau?

A. Vui chơi. B. Vui vẻ. C. Vui sướng. D. Vui tính.

Câu hỏi 3: Từ nào là từ đơn trong các từ sau?

A. Long lanh. B. Ra-đi-ô. C. Vui nhộn. D. Nhà cao tầng.

Câu hỏi 4: Tiếng "mẹ" gồm những bộ phận cấu tạo nào?

A. Âm đầu. B. Vần. C. Thanh. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Trong câu: "Mẹ sẽ gắng đan cho Lan một chiếc mũ thật đẹp và ấm áp" có những tính từ nào?

A. mẹ, chiếc mũ. B. mũ, thật đẹp.

C. gắng, đan. D. đẹp, ấm áp.

Câu hỏi 6: Trong câu "Khi ta cắt những bông hoa trong vườn, những bông hoa mới sẽ mọc lên" từ nào là động từ?

A. cắt, mọc. B. bông hoa, vườn.

C. ta, vườn. D. những, sẽ.

Câu hỏi 7: Trong câu "Rặng đào đã trút hết lá", từ nào bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ "trút"?

A. đào. B. đã. C. hết. D. lá.

Câu hỏi 8: Trong câu "Tiếng mưa rơi lộp bộp trên mái nhà" bộ phận trả lời cho Câu hỏi "Ở đâu?" là:

A. tiếng mưa. B. trên mái nhà. C. lộp bộp. D. rơi lộp bộp.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ viết sai chính tả là:

A. ôm ấp. B. kẹo mềm. C. trung cư. D. Tổ quốc.

Câu hỏi 10: Từ "trẻ" trong câu "Đó là Trạng nguyên trẻ nhất của nước Nam ta" là:

A. danh từ. B. đại từ. C. động từ. D. tính từ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Trăm		không	bằng	tay	quen

Câu hỏi 2:

Chuột		chĩnh	gạo	nếp

Câu hỏi 3:

Cha	mẹ	hiền	lành	để		cho	con

Câu hỏi 4:

Tốt	gỗ	hơn	tốt	nước	

Câu hỏi 5:

Trăm		không	bằng	một	thấy

Câu hỏi 6:

Ăn	được		được	là	tiên

Câu hỏi 7:

Cày		cuốc	bẫm

Câu hỏi 8:

Người	thanh		nói	cũng	thanh

Câu hỏi 9:

Xấu	người	đẹp		còn	hơn	đẹp	người

Câu hỏi 10:

Đất		chim	đậu

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 19

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong các câu sau:

"Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con ..... đời."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "s" hay "x" trong câu sau sao cho phù hợp: "Móng Tay Đục Máng hăng hái ..... được làm em út đi theo."

(Truyện cổ dân tộc Tày)

Câu hỏi 3: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông hãy ..... măng."

(Ca dao)

Câu hỏi 4: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Chuyền cành mau lẹ
Có cái đuôi bông
Hạt dẻ thích ăn
Con gì thế nhỉ?"

- Đó là con .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau: "Hiểu biết một cách thấu đáo, có khả năng vận dụng thành thạo gọi là ....."

Câu hỏi 6: Tác giả bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.9, NXB Giáo dục, Năm 2014) là .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau: "Loại cây có lá dài, bẹ có nhiều sợi thường dùng để khâu nón là cây ....."

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu: "Đã là người thì phải dám ..... pha, làm được nhiều việc có ích."

(Chú Đất Nung)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích: "Vận động viên bắn giỏi gọi là thiện ....."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau: "Năng lực xuất sắc, khả năng làm giỏi và có sáng tạo một công việc nào đó gọi là ....."

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

tài hoa	tài nguyên	trọng tài	đề tài	tài liệu
tài trợ	tài nghệ	tài sản	nhân tài	tài đức
tài năng	chế tài	tài tử	tài xế	gia tài

"Tài" chỉ khả năng hơn người				
"Tài" chỉ vật chất				
"Tài" chỉ người				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Trảy xiết. B. Trường Sơn. C. Đĩa xôi. D. Chảy xiết.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào có nghĩa khác với các từ còn lại?

A. Tài giỏi. B. Tài ba. C. Tài năng. D. Tài trợ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào đồng nghĩa với từ "thông minh"?

A. Cần cù. B. Sáng dạ. C. Chịu khó. D. Chăm chỉ.

Câu hỏi 4: Câu: "Chị Hoa nhìn bà, suy nghĩ một chút rồi thì thầm" thuộc kiểu câu:

A. Ai là gì? B. Ai thế nào? C. Ai làm gì? D. Ai khi nào?

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Xúng xính. B. Xình sịch. C. Xôn sao. D. Sạch xẽ.

Câu hỏi 6: Chủ ngữ trong câu: "Hôm nay cũng như mọi ngày khác, người Điện Biên ra đón bà con ở Hà Nội mới lên" là:

A. Hôm nay. B. ra đón bà con.

C. ở Hà Nội. D. người Điện Biên.

Câu hỏi 7: Từ nào sau đây chỉ một người có tài và phẩm chất đạo đức tốt?

A. Tài ba. B. Tài hoa. C. Tài đức. D. Tài giỏi.

Câu hỏi 8: Câu "Các trò ngày nào cũng trèo lên tôi hái quả." có chủ ngữ là:

A. Các trò B. Các trò ngày nào.

C. Các trò ngày nào cũng trèo D. Đáp án khác.

Câu hỏi 9: Trong bài tập đọc *Bốn anh tài* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.4, NXB Giáo dục, Năm 2014), chi tiết nào nói lên sức khoẻ và tài năng đặc biệt của Cẩu Khây?

A. Nhỏ người nhưng ăn một lúc hết chín chõ xôi.

B. Mới 10 tuổi sức đã bằng trai 18.

C. Thông tinh võ nghệ khi tuổi mới 15.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Nghĩa của câu "Người ta là hoa đất." là gì?

A. Ca ngợi con người là tinh hoa của đất, là thứ quý giá nhất.

B. Con người là những bông hoa của đất nước.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 20

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ, cụm từ nào chỉ hoạt động không làm cho người khỏe mạnh?

A. Khiêu vũ. B. Thể dục. C. Uống rượu. D. Bơi.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Trưa hè. B. Bữa trưa. C. Bữa chưa. D. Giấc trưa.

Câu hỏi 3: Câu "Bà cụ nấu cơm cho bốn anh em ăn" có chủ ngữ là:

A. Bà cụ. B. nấu cơm. C. bốn anh em. D. ăn.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Chung kết. B. Tập chung. C. Trung tay. D. Thuỷ trung.

Câu hỏi 5: Câu "Bốn cậu bé ăn no, lăn ra ngủ." có vị ngữ là:

A. cậu bé. B. ăn no. C. lăn ra ngủ. D. đáp án khác.

Câu hỏi 6: Câu "Khoẻ như voi" có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ một người có sức khoẻ phi thường.

B. Chỉ một người ăn rất nhiều.

C. Chỉ một người vừa ăn khoẻ vừa ngủ khoẻ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Tiếng nào dưới đây ghép được với tiếng *chanh* để được từ đúng?

A. bức. B. leo.

C. đấu. D. Cả A, B và C đều sai.

Câu hỏi 8: Từ nào điền được vào chỗ trống trong câu:

"..... mang cặp sách trên lưng"

A. Chúng tôi. B. Các em nhỏ.

C. Các bạn. D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Câu "Nhanh như cắt" có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ một người làm công việc gì đó rất nhanh.

B. Chỉ việc đi lại của một người nào đó rất nhanh.

C. Chỉ con chim bay rất nhanh.

D. Cả A và B đều sai.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Trong bài tập đọc *Trống đồng Đông Sơn* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.17, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao trống đồng được coi là niềm tự hào chính đáng của người Việt Nam?

A. Vì đó là một cổ vật quý giá chứng tỏ nền văn hoá của ta có từ rất lâu.

B. Vì sự đa dạng về chủng loại.

C. Vì sự đa dạng về phong cách hoa văn.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) có nghĩa gần giống nhau trong các từ (cụm từ) đã cho đây:

hạt lúa	tàu hoả	thật thà	phép màu	thông minh
xe lửa	quốc vương	đậu phộng	phép lạ	hoạ sĩ
học sinh	người vẽ tranh	nhà vua	hạt lạc	Thánh Gióng
học trò	thông thái	hạt thóc	trung thực	Phù Đổng Thiên Vương

Đáp án: Ghi các từ còn thiếu vào ô trống tương ứng

hạt lúa	tàu hoả	thật thà	phép màu	thông minh
học sinh	người vẽ tranh	nhà vua	hạt lạc	Thánh Gióng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ có âm đầu "tr" thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:

"Chuyền trong vòm lá
Chim có gì vui
Mà nghe ríu rít
Như ..... reo cười."

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.14, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời giải nghĩa sau:

"Loài cây thân gỗ, lá chỉ có ở ngọn, quả rất dài, dẹt và rộng là cây ....."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời giải nghĩa sau:

"Người biểu diễn nhảy múa hay diễn viên múa gọi là ....."

Câu hỏi 4: Điền tiếng có vần "uôc" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Ông đã dùng rất nhiều thứ ..... bổ mà vẫn không chữa khỏi bệnh."

Câu hỏi 5: Thêm từ chứa vần "uôt" thích hợp vào chỗ trống để được thành ngữ đúng:

"Cháy nhà mới ra mặt ....."

Câu hỏi 6: Điền từ có âm đầu "ch" thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Trời sinh ra trước nhất
..... toàn là trẻ con."

(Xuân Quỳnh)

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Cây gì mang dáng quê hương
Thân chia từng đốt rợp đường em đi
Mầm non dành tặng thiếu nhi
Gắn vào huy hiệu em ghi tạc lòng."

Đó là cây .....

Câu hỏi 8: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu tục ngữ sau:

"Ăn được ngủ được là tiên
Không ăn không ngủ mất ..... thêm lo."

Câu hỏi 9: Đoạn văn dưới đây có tất cả ..... câu kể kiểu "Ai làm gì?":

"Một chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau, ca hát, thổi sáo. Bỗng biển có tiếng động mạnh. Cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui."

(Hà Đình Cẩn)

Câu hỏi 10: Câu "Một chiến sĩ thả câu" có bộ phận vị ngữ là .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 21

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Mưa giăng trên đồng
Uốn mềm ngọn lúa
Hoa xoan theo gió
..... tím mặt đường."

(Nguyễn Bao)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời giải nghĩa sau: "Các vật dụng cần thiết giúp cho con người sinh hoạt hằng ngày được thuận tiện và thoải mái gọi là ....."

Câu hỏi 3: Điền từ láy có tiếng có âm đầu "gi" vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Bè đi chiều thầm thì
Gỗ lượn đàn thong thả
Như bầy trâu .....
Đắm mình trong êm ả."

(Bè xuôi sông La)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời giải nghĩa sau: "Vật được làm bằng kim loại, đeo trước ngực làm dấu hiệu cho phần thưởng lớn được nhà nước trao tặng cho người có công gọi là ....."

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời giải nghĩa sau:

"Cơ quan phụ trách việc chế tạo, cung cấp vũ khí cho quân đội gọi là Cục ....."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời giải nghĩa sau:

"Từ chỉ công việc lớn, có lợi ích chung gọi là ....."

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Con gì da tựa mo lang
Sừng dọc sống mũi, lang thang trong rừng
Nhìn thấy bùn vũng là mừng
Thú hoang như thể con cưng bảo tồn?"

Đó là con .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền tiếng có âm đầu "gi" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Mỗi cánh hoa giấy ..... hệt một chiếc lá, chỉ có điều mong manh hơn và có màu sắc rực rỡ."

Câu hỏi 9: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu thành ngữ sau:

"Tre ..... măng mọc."

Câu hỏi 10: Đoạn văn dưới đây có tất cả ..... câu kể kiểu "Ai thế nào?":

"Hai bên đường, cây cối xanh um. Nhà cửa thưa thớt dần. Đàn voi bước đi chậm dãi. Chúng thật hiền lành. Người quản tượng ngồi vắt vẻo trên chú voi đi đầu. Anh trẻ và thật khoẻ mạnh. Thỉnh thoảng, anh lại cúi xuống như nói điều gì đó với chú voi."

(*Theo* Hữu Trị)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Tiếng *ráng* ghép với tiếng nào dưới đây được từ đúng chính tả?

A. đòn. B. hình. C. chịu. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: Tiếng *dán* ghép với tiếng nào dưới đây được từ đúng chính tả?

A. điệp. B. mõ. C. tem. D. tiếp.

Câu hỏi 3: Câu "Căn nhà trống vắng." có vị ngữ là:

A. trống. B. vắng. C. trống vắng. D. đáp án khác.

Câu hỏi 4: Câu "Những người con lớn lên và lần lượt lên đường." có chủ ngữ là:

A. Những người con.

B. Những người con lớn lên.

C. Những người con lớn lên và lần lượt.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 5: Câu "Những cánh hoa nhài trắng tinh và thơm ngát." có vị ngữ là:

A. trắng tinh. B. thơm ngát.

C. trắng tinh và thơm ngát. D. Cả A, B và C đều sai.

Câu hỏi 6: Trong bài: *Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr. 21, NXB Giáo dục, Năm 2014), Trần Đại Nghĩa đã có những đóng góp gì to lớn trong kháng chiến?

A. Ông nghiên cứu và sáng chế ra loại vũ khí có sức phá lớn.

B. Ông là người góp phần làm nên chiến thắng cho Tổ quốc.

C. Ông đã đóng góp nhiều tiền của cho cách mạng.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Trong bài: *Bè xuôi sông La* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr. 26, NXB Giáo dục, Năm 2014), tác giả đã nhắc đến một loại tài nguyên của đất nước đó là tài nguyên nào?

A. Gỗ. B. Rừng. C. Biển. D. Núi.

Câu hỏi 8: Hình ảnh "trong đạn bom đổ nát, bừng tươi nụ ngói hồng" trong bài thơ *Bè xuôi sông La* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr. 26, NXB Giáo dục, Năm 2014) ý nói gì?

A. Nói lên lòng tin tưởng vào ngày mai tươi sáng của dân tộc ta.

B. Ca ngợi sức mạnh của nhân dân trong xây dựng đất nước.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 9: Chọn bộ phận nào phía dưới điền vào chỗ trống sau:

"Tiếng suối chảy....."

A. rì rào trong những vòm cây.

B. huyên náo từ những đường làng, ngõ xóm.

C. róc rách trong những khe núi.

D. líu lo trên những cành cây cạnh bờ ao.

Câu hỏi 10: Câu: "Mỏ của đại bàng rất dài" có vị ngữ chỉ:

A. đặc điểm. B. tính chất. C. trạng thái. D. đáp án khác.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Non	xanh	nước	

Câu hỏi 2:

Của	không		nhà	đông	con	cũng	hết

Câu hỏi 3:

Công		danh	toại

Câu hỏi 4:

Cứu	một	người		đẳng	hà	sa

Câu hỏi 5:

Nói		củ	cải	cũng	nghe

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6:

Nhường		sẻ	áo

Câu hỏi 7:

Mình	đồng		sắt

Câu hỏi 8:

Của	rề	rề	không	bằng		trong	tay

Câu hỏi 9:

Con	sâu	làm		nồi	canh

Câu hỏi 10:

Thuốc		giã	tật	sự	thật	mất	lòng

VÒNG 22

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Con đò lá ..... qua sông
Trái mơ tròn trĩnh quả bòng đung đưa."

(Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Loại cây có lá hình bầu dục, màu nhạt, có hoa màu đỏ kết thành chuỗi rủ xuống là cây ....."

Câu hỏi 3: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Bút nghiêng, lất phất hạt mưa
Bút chao, gợn nước Tây Hồ ....."

(Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Trạng thái do dự, chưa biết nên quyết định thế nào gọi là ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Điền từ có nghĩa là ham thích quá mức vào chỗ trống sau: "Vậy mà khi trái chín, hương toả ngào ngạt, vị ngọt đến ....."

Câu hỏi 6: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành câu thành ngữ sau:

"Muôn ....., muôn vẻ."

Câu hỏi 7: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Bé Minh ngã sóng soài
Đứng dậy nhìn sau trước
Có ai mà hay biết
Nên bé nào thấy đau
Tối mẹ về xuýt xoa
Bé oà lên ....."

(Vũ Duy Chu)

Câu hỏi 8: Câu "Hà Nội tưng bừng màu đỏ" có chủ ngữ là .....

Câu hỏi 9: Các câu thơ sau có trong bài thơ ..... của Đoàn Văn Cừ.

"Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa."

Câu hỏi 10: Trong đoạn văn dưới đây có tất cả ..... câu kiểu "Ai thế nào?"

"Hà Nội tưng bừng màu đỏ. Cả một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. Những dòng người từ khắp các ngả tuôn về vườn hoa Ba Đình. Các cụ già vẻ mặt nghiêm trang. Những cô gái thủ đô hớn hở, áo màu rực rỡ."

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.36, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A. Nương rẫy. B. Nương khô. C. Nên lương. D. Lương tựa.

Câu hỏi 2: Sầu riêng là đặc sản của miền nào ở nước ta?

A. Miền Tây. B. Miền Trung. C. Miền Nam. D. Miền Bắc.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào miêu tả vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên?

A. Xinh đẹp. B. Yểu điệu. C. Hùng vĩ. D. Ngất ngây.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. Phúc chốc. B. Giây phút. C. Ông Bụt. D. Bục giảng.

Câu hỏi 5: Câu: "Những cô gái Thủ đô hớn hở" có chủ ngữ là:

A. Những cô gái. B. cô gái.
C. Những cô gái Thủ đô. D. Cả A, B và C đều sai.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Trong bài thơ: *Chợ Tết* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr. 38), điểm chung của những người đi chợ tết là gì?

A. Mua bán hàng hoá.
B. Tâm trạng bận rộn nhưng rất vui.
C. Cả A và B đều sai.
D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 7: Câu văn: "Thân cây khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại, tưởng như lá héo" miêu tả loại cây gì?

A. Cây tre.
B. Cây sầu riêng.
C. Cây xoài.
D. Cây vải.

Câu hỏi 8: Tiếng *hụt* ghép được với tiếng nào để được từ đúng chính tả?

A. hặc.
B. hì.
C. hẫng.
D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: Câu "Mặt tươi như hoa" có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ sự vui sướng của một người biểu hiện ra nét mặt.
B. Niềm vui của một người con gái có khuôn mặt xinh xắn.
C. Miêu tả vẻ mặt của một người con gái đẹp.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Câu "Bốn cánh khẽ rung rung như còn phân vân" có chủ ngữ là:

A. Bốn cánh khẽ rung rung.
B. Bốn cánh.
C. Bốn cánh khẽ.
D. Đáp án khác.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

xinh đẹp	thuỳ mị	dyên dáng	tươi đẹp	khôi ngô
nết na	thông minh	sáng sủa	xanh tươi	uy nghi
tráng lệ	hiền hoà	xinh xắn	ưu tú	đẹp đẽ

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Từ chỉ vẻ đẹp bên ngoài của người				
Từ chỉ vẻ đẹp tính cách của người				
Từ chỉ vẻ đẹp cảnh vật thiên nhiên				

VÒNG 23

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vung chày lún ....."

(Nguyễn Khoa Điềm)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Tên một loại cây bóng mát có hoa màu đỏ, hoa mọc thành từng chùm, nở vào mùa hè là hoa ....."

Câu hỏi 3: Điền danh từ thích hợp vào chỗ trống trong câu ca dao sau:

"Ơn trời mưa nắng phải thì
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày ....."

Câu hỏi 4: Bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.48) tác giả đã nhắc đến em bé có tên là .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải nghĩa sau:

"..... là không để ý đến những điều lẽ ra cần phải để ý."

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành câu thành ngữ sau:

"Được ..... đòi tiên."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Cái mồm thì to răng thì nhọn
Đuôi thì dài thướt chẳng như chân
Ăn thịt xong rồi còn khóc lóc
Từ bi như thế có ai cần."

- Đó là con .....

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Dấu ..... dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại, phần chú thích, các ý trong một đoạn liệt kê."

Câu hỏi 9: Cây xoan còn được gọi là cây .....

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau đây:

"Một, hai nghiêng nước nghiêng thành,
..... đành đòi một, tài đành hoạ hai."

(*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Xấu xí.
B. Xum suê.
C. Xạch xẽ.
D. Sù xì.

Câu hỏi 2: Trong bài *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.48, NXB Giáo dục, Năm 2014) những việc làm của người mẹ có ý nghĩa như thế nào?

A. Mẹ giã gạo, nuôi bộ đội.
B. Góp phần vào việc đấu tranh giải phóng dân tộc.
C. Mẹ phát nương làm rẫy để có thóc gạo nuôi bộ đội.
D. Đáp án khác.

Câu hỏi 3: "Một bộ phận, một phần trong cái chung" là nghĩa của từ nào sau đây?

A. Phần tử.
B. Chia phần.
C. Phần thưởng.
D. Các phần.

Câu hỏi 4: Trong bài *Hoa học trò* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr. 43, NXB Giáo dục, Năm 2014) tại sao tác giả gọi hoa phượng là hoa học trò?

A. Vì hoa phượng gắn bó với những người học trò.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

B. Vì hoa phượng nở vào mùa hè.

C. Vì hoa phượng nở các bạn học trò chia tay nhau.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 5: Câu thành ngữ: "Hay thì khen, hèn thì chê" có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ sự đánh giá đúng thực tế về một việc gì đó.

B. Cần phải biết nhận xét về một con người.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu hỏi 6: Câu "Mèo khen mèo dài đuôi" có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ những người coi thường người khác.

B. Chỉ những người tự cao tự đại.

C. Chỉ những người biết tự tin trong cuộc sống.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Tiếng *sứt* ghép được với tiếng nào để được từ đúng chính tả?

A. mẻ. B. miệng.

C. khoẻ. D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. Hoạ sĩ. B. Bức hoạ.

C. Oi bức. D. Bức dức.

Câu hỏi 9: Trong bài *Quà tặng cha* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr. 46) Pa-xcan đã tặng cho cha thứ quà gì?

A. Một chiếc điện thoại.

B. Một chiếc máy tính.

C. Một chiếc bút vẽ.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Hai câu tục ngữ sau có ý nghĩa gì?

"Người thanh tiếng nói cũng thanh
Chuông kêu khẽ đánh bên thành cũng kêu."

A. Ca ngợi những người ăn nói dễ nghe.

B. Nói lên phẩm chất quý hơn vẻ đẹp bên ngoài.

C. Nói lên hình thức thống nhất với nội dung.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

***Bài thi số 3*: THÁM TỬ ONG VÀNG**

Sắp xếp các từ (cụm từ) trong các ô sau thành một khổ thơ:

hồng lam	mây trắng	đỏ dần	Sương	ôm ấp
Dải	nóc	chợ Tết	trên	đỉnh núi
Trên	nhà gianh	con đường	đồi xanh	các ấp
viền trắng	mép	ra	Người	tưng bừng

Đáp án: .....

.....

.....

.....

VÒNG 24

***Bài thi số 1*: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG**

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Bay cùng chúng bạn thong dong
Nhớ xưa thơ ấu sống trong ao hồ
Hạt thóc thấp thỏm ngóng chờ
Nhìn tôi để lựa thời cơ phơi mình?"

- Đó là con .....

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "..... là một bộ phận của khung cửi hay máy dệt để luồn sợi trong khi dệt vải."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp ..... cao."

(Huy Cận)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

Câu "***Lúa gạo*** là lương thực chính." có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi "..... là lương thực chính?"

Câu hỏi 5: Điền từ có tiếng có dấu hỏi thích hợp vào chỗ trống:

"Mặt trời xuống ..... như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa."

(Đoàn thuyền đánh cá)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Sự tác động làm cho tinh thần hăng hái thêm lên gọi là ....."

Câu hỏi 7: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong hai câu sau:

"Lặng nghe Mẹ kể ngày xưa
.....cồn cát nắng trưa Quảng Bình."

(Tố Hữu)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

Câu "Con trâu là ***bạn của nhà nông***" có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi "Con trâu .....?"

Câu hỏi 9: Câu "Cả bố và mẹ bạn ấy đều làm giáo viên." có vị ngữ là .....

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu thành ngữ sau:

"Đi đến nơi về đến ....."

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ đồng nghĩa với nhau trong các từ sau:

đoàn kết	nhân	địa	người chồng	phi trường
nhật	thiên	lạc quan	phi cơ	bạn bè
máy bay	vui vẻ	trời	bằng hữu	ngày
đùm bọc	người	sân bay	đất	phu quân

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi những từ đồng nghĩa tương ứng ở ô bên trên với từ vào ô trống bên dưới

đoàn kết	nhân	địa	người chồng	phi trường
máy bay	vui vẻ	trời	bằng hữu	ngày

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Chủ ngữ trong câu "Bố em và chú ấy là hai anh em." là:

A. Bố em. B. và.

C. chú ấy. D. đáp án khác.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Tròn chịa. B. Chòn chịa.

C. Tròn trịa. D. Chòn trịa.

Câu hỏi 3: Tiếng nào sau đây có thể điền thêm dấu hỏi để được từ có nghĩa:

A. lưa. B. nưa.

C. sưa. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: Con vật nào được nhắc đến trong đoạn thơ sau?

"Con gì lông mượt,
Đôi sừng cong cong,
Lúc ra cánh đồng,
Cày bừa rất giỏi."

A. Con trâu. B. Con bò.

C. Con ngựa. D. Con hổ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Trong bài *Đoàn thuyền đánh cá* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.59, NXB Giáo dục, Năm 2014), đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào những thời điểm nào?

A. Vào lúc mặt trời xuống biển.

B. Vào lúc hoàng hôn cuối buổi chiều.

C. Vào lúc đêm tối.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Trong bài *Vẽ về cuộc sống an toàn* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.54, NXB Giáo dục, Năm 2014), những dòng in đậm ở đầu bản tin có tác dụng gì?

A. Thu hút sự chú ý của người đọc bằng những thông tin dễ nhớ.

B. Mang tính thông báo một cách cụ thể rõ ràng cho người đọc.

C. Đó là hình thức trình bày một văn bản tin tức.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Câu "Căn nhà là tổ ấm của mỗi người" có vị ngữ là:

A. là tổ ấm của.

B. tổ ấm của mỗi người.

C. là tổ ấm của mỗi người.

D. cả A, B và C đều sai.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Thi đổ.

B. Nhõ bé.

C. Nỗi tiếng.

D. Cần mẫn.

Câu hỏi 9: Trong bài *Về cuộc sống an toàn* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.54, NXB Giáo dục, Năm 2014), các bạn thiếu nhi đã hưởng ứng cuộc thi như thế nào?

A. Chỉ trong 4 tháng đã có hơn 50000 bức tranh tham gia dự thi.

B. Nhiều tỉnh thành trong cả nước có tranh của thiếu nhi dự thi.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Câu "Bông hoa đẹp là bông hoa có màu sắc lâu phai" có:

A. chủ ngữ là "Bông hoa đẹp."

B. vị ngữ là "là bông hoa có màu sắc lâu phai."

C. cả A và B đều đúng.

D. cả A và B đều sai.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 25

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Ngôi nhà sùm sụp mái che,
Khi bốn cột xòe nhà chuyển đi ngay."

(Sưu tầm)

- Đó là con .....

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là nhìn không chớp mắt vào một người nào đó với vẻ giận dữ và đe doạ."

Câu hỏi 3: Điền từ láy vần "ênh" vào chỗ trống thích hợp:

"Mẹ rằng: Quê mẹ, Bảo Ninh
Mênh mông sóng biển, ... mạn thuyền."

(Tố Hữu)

Câu hỏi 4: Trong bài *Khuất phục tên cướp biển* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.66, NXB Giáo dục, Năm 2014) tác giả đã miêu tả da lưng của tên chúa tàu sạm như .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "..... là đơn vị nhỏ nhất trong quân đội, thường gồm từ 6 đến 12 người."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng ....."

(*Tre Việt Nam* - Tiếng Việt 4, Tập 1 tr.41, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bạn bè suốt ..... đường đi tới
Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi."

(Phạm Tiến Duật)

Câu hỏi 8: Đoạn thơ sau có tất cả ..... câu kiểu "Ai là gì?"

"Ruộng rẫy là chiến trường
Cuốc cày là vũ khí
Nhà nông là chiến sĩ
Hậu phương thi đua với tiền phương."

(Hồ Chí Minh)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "Hành động nói nhỏ trong miệng tỏ vẻ bực dọc, khó chịu gọi là ....."

Câu hỏi 10: Điền từ láy âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Mái chèo nghiêng mặt sông xa
Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa
Nghe trăng thở động tàu dừa
..... nghe chuyển cơn mưa giữa trời."

(Trần Đăng Khoa)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Nội dung của bài thơ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.71, NXB Giáo dục, Năm 2014) nói lên điều gì?

A. Ca ngợi tinh thần dũng cảm của chiến sĩ lái xe.

B. Ca ngợi tình đồng chí, đồng đội của các chiến sĩ lái xe.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. Thể dục. B. Thúc dục. C. Dáo dục. D. Giáo giục.

Câu hỏi 3: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. Bập bênh. B. Lênh đênh. C. Lên xuống. D. Mên mang.

Câu hỏi 4: "Chống chọi kiên cường, không chịu lùi bước" là nghĩa của từ nào sau đây?

A. Gan dạ. B. Gan lì. C. Gan góc. D. Gan gà.

Câu hỏi 5: Lời nói và cử chỉ của bác sĩ Ly trong bài đọc *Khuất phục tên cướp biển* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.66) cho thấy ông là người thế nào?

A. Ông là một người nổi tiếng nhân từ.

B. Ông là một người có hiểu biết.

C. Ông là một người có tinh thần trách nhiệm.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Câu "Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận" có chủ ngữ là:

A. Văn hoá nghệ thuật.

B. Văn hoá nghệ thuật cũng.

C. Văn hoá nghệ thuật cũng là.

D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Câu "Vừa buồn lại vừa vui mới thực là nỗi niềm hoa phượng" có chủ ngữ là:

A. Vừa buồn lại vừa vui mới thực là.

B. Vừa buồn lại vừa vui.

C. Vừa buồn lại vừa vui mới thực.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 8: Từ *"dũng cảm"* điền được vào chỗ trống trong câu nào dưới đây?

A. Chiến sĩ ta ..... xông lên tiêu diệt địch.

B. Cậu ta quả là một người .....

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu hỏi 9: Qua bài đọc *Khuất phục tên cướp biển* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.66), vì sao bác sĩ Ly khuất phục được tên cướp biển hung hãn?

A. Vì bác sĩ khoẻ hơn tên cướp biển.

B. Vì hắn sợ bác sĩ doạ sẽ đưa hắn ra toà.

C. Vì sự hiểu biết và thái độ bình tĩnh, cương quyết của bác sĩ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Từ nào điền được vào chỗ trống sau:

"Tóm tắt tin tức nghĩa là tạo ra tin ..... hơn nhưng vẫn thể hiện được nội dung chính của tin được tóm tắt."

A. dài. B. ngắn. C. ít. D. nhiều.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Nhiễu	điều	phủ	lấy		gương

Câu hỏi 2:

Mười		cũng	ừ	mười	tư	cũng	gật

Câu hỏi 3:

Mua		buộc	mình

Câu hỏi 4:

Chơi		sắc	có	ngày	đứt	tay

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5:

Đi	hỏi		về	nhà	hỏi	trẻ

Câu hỏi 6:

Bóc	ngắn	cắn	

Câu hỏi 7:

Góp		thành	bão

Câu hỏi 8:

Điều	lành	thì	nhớ	điều		thì	quên

Câu hỏi 9:

	sắc	không	gọt	được	chuôi

Câu hỏi 10:

Đón	người	cửa	trước		người	cửa	sau

VÒNG 26

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Một mẹ sinh được đàn con,
Mẹ già mẹ héo con còn ngủ im,
Mẹ thành rơm rạ đốt lên,
Con mới cởi áo thân quen với đời."

(Sưu tầm)

- Đó là cây .....

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Tuyến phòng thủ được xây dựng kiên cố hoặc dựng tạm bằng các vật có tác dụng che đỡ như bao cát, bàn, ghế, giường, tủ,... gọi là ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây: "..... là đi đầu làm những nhiệm vụ khó khăn, gay go nhất."

Câu hỏi 4: Điền từ có tiếng "dũng" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Người có sức mạnh thể chất và tinh thần trên hẳn mức bình thường, dám đương đầu với những sức chống đối, với nguy hiểm để làm những việc nên làm là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 5: Điền từ có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ ..... xanh cây quanh nhà."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Tên loại cây sống ở rừng nước mặn, lá dày và nhẵn là cây ....."

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu sau:

"Biển cả muốn ..... tươi con đê mỏng manh như con mập đớp con cá chim nhỏ bé."

(*Thắng biển* - Chu Văn)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau?

"Ngoài thềm rơi chiếc .....
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu giải thích sau:

"Theo quan niệm của người xưa, thần ở trên trời thường được cho là rất đẹp và có nhiều phép lạ gọi là ....."

Câu hỏi 10: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Dưới trăng quyên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu, ... đơm bông."

(Nguyễn Du)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. No lắng. B. No nê. C. Lo lê. D. Lo nê.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. Xinh xắn. B. Xin xỏ. C. Niềm tin. D. Vin quang.

Câu hỏi 3: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ "dũng cảm"?

A. anh dũng. B. hèn nhát. C. cảm động. D. hồi hộp.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Thành ngữ "Vào sinh ra tử" có nghĩa nào dưới đây?

A. Dũng cảm. B. Chăm chỉ. C. Đoàn kết. D. Trung thực.

Câu hỏi 5: Trong bài tập đọc *Thắng biển* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.76), tác giả miêu tả cuộc chiến đấu của con người với:

A. biển cả. B. rừng núi. C. mưa bão. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Từ nào sau đây trái nghĩa với từ "hèn nhát"?

A. Hèn hạ. B. Nhút nhát. C. Bền bỉ. D. Anh hùng.

Câu hỏi 7: Từ nào có thể ghép với tiếng "tình" để được từ có nghĩa?

A. cảm. B. lòng. C. bàn. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Trong bài đọc *Ga-vrốt ngoài chiến luỹ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.80), Ga-vrốt ra ngoài chiến luỹ để làm gì?

A. Để chiến đấu cùng với các nghĩa quân.

B. Để nhặt các vỏ đạn giúp nghĩa quân.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu hỏi 9: Thành ngữ "Dạ sắt gan vàng" có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ sự gan dạ dũng cảm, không nao núng trước khó khăn.

B. Chỉ sự dũng cảm dám đấu tranh chống lại những cái xấu.

C. Nói về sự dũng cảm của một người xông pha nơi chiến trận.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Từ nào điền được vào chỗ trống trong câu "Anh ấy đã ..... hi sinh" ?

A. hùng dũng. B. dũng cảm. C. quả cảm. D. anh hùng.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG TÀI BA

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

can đảm	hoà thuận	quả cảm	hèn nhát	anh hùng
hiếu thảo	anh dũng	thân thiết	chăm chỉ	truyền ngôi
tận tuỵ	gắn bó	nhút nhát	rụt rè	sợ sệt

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Cùng nghĩa với "dũng cảm"				
Trái nghĩa với "dũng cảm"				
Cùng nghĩa với "tình cảm"				

VÒNG 27

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Hành động tỏ rõ sự kính trọng bằng điệu bộ, cử chỉ, nét mặt một cách rất nghiêm trang là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 2: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Bên ngoài vỏ nhẵn như chùi
Khúc thịt ở giữa có mùi thơm thơm
Quả sai trĩu trịt cành cao
Nghe tên cứ ngỡ ngã nhào xuống sân"

(Sưu tầm)

- Đó là quả .....

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Hành động lúng túng, mất bình tĩnh, không biết nên xử trí thế nào là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 4: Trong bài *Dù sao Trái Đất vẫn quay* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.86, NXB Giáo dục, Năm 2014), tác giả cho rằng tư tưởng của hai nhà bác học đã trở thành "..... giản dị trong đời sống."

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Phát hiện của nhà thiên văn học làm mọi người ....., thậm chí nó còn bị coi là tà thuyết vì nó ngược với những lời phán bảo của Chúa Trời."

(Dù sao Trái Đất vẫn quay)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ nói về lòng dũng cảm sau đây:

"Không vào hang hổ ..... bắt được hổ."

Câu hỏi 7: Trong bài *Con sẻ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.90, NXB Giáo dục, Năm 2014), khi thấy con chó đang tiến lại gần con sẻ non, từ trên cây cao con sẻ già đã ..... như một hòn đá trước mõm con chó.

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "..... dùng để yêu cầu, đề nghị, mong muốn,... của người nói, người viết với người khác."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu ca dao sau:

"Trên đồng cạn dưới đồng.....
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa."

Câu hỏi 10: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu thơ sau:

"Tổ ong ..... trên cành
Trong đầy mật nhộng, ngon lành lắm thay
Cáo già nhè nhẹ lên cây
Định rằng lấy được ăn ngay cho giòn."

(Hồ Chí Minh)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Thành ngữ nào sau đây nói về lòng dũng cảm?

A. Môi hở răng lạnh. B. Dãi nắng dầm mưa.
C. Đồng cam cộng khổ. D. Gan vàng dạ sắt.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. Sao chép. B. Ngôi sao. C. Sao động. D. Vì sao.

Câu hỏi 3: Trong bài đọc *Dù sao Trái Đất vẫn quay* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.85 , NXB Giáo dục, Năm 2014), mục đích của Ga-li-lê khi viết sách là gì?

A. Nhằm ủng hộ quan điểm đúng đắn của Cô-péc-ních.
B. Cùng với Cô-péc-ních chứng minh Trái Đất quay quanh Mặt Trời.
C. Cả A và B đều đúng.
D. Đáp án khác.

Câu hỏi 4: Loại hoa nào được nhắc đến trong đoạn thơ sau?

"Loài hoa nở giữa mùa hè
Trong đầm thơm mát lá xòe che ô."

A. Hoa súng. B. Hoa hồng. C. Hoa sen. D. Hoa nhài.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Tiếng nào dưới đây điền thêm dấu hỏi được tiếng có nghĩa?

A. tinh. B. tan. C. tang. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 6: Câu nào dưới đây là câu khiến?

A. Hôm nay Nam đi học. B. Nam cũng đi học sao!

C. Nam đi học thôi! D. Nam không phải đi học à?

Câu hỏi 7: Dấu nào điền được vào chỗ trống trong câu sau: "Các bạn hãy trật tự ( )"?

A. Dấu (.). B. Dấu (:). C. Dấu (!). D. Dấu (?).

Câu hỏi 8: Trong bài *Con sẻ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.94), vì sao tác giả bày tỏ lòng kính phục đối với con sẻ bé nhỏ?

A. Vì hành động dũng cảm cứu con của nó.

B. Vì tình yêu thương con sâu sắc của nó.

C. Vì con sẻ bất chấp mọi hiểm nguy để cứu con.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 9: Câu "Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé!" dùng để:

A. yêu cầu cá voi phải chú ý khi nhảy múa.

B. đề nghị cá voi phải chú ý khi nhảy múa.

C. mong muốn cá voi phải chú ý khi nhảy múa.

D. đáp án khác.

Câu hỏi 10: Câu "Cậu đi với mình cho vui nhé!" giống câu nào dưới đây?

A. Cậu có đi với mình cho vui không?

B. Cậu đi với mình cho vui được không?

C. Cậu đi với mình cho vui nào!

D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: THÁM TỬ ONG VÀNG

Sắp xếp các từ, tiếng sau theo thứ tự để được câu đúng

Câu hỏi 1:

nhau	tức	gà	tiếng	con	gáy

***Đáp án*:** .....

Câu hỏi 2:

nhà	thuận	Anh	hoà	là	có	phúc	em

***Đáp án*:** .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3:

Cao	mưa	tạnh	Én	rào	bay	lại

Đáp án: .....

Câu hỏi 4:

một	chớ	hoài	đá	Gà	cùng	nhau	mẹ

Đáp án: .....

Câu hỏi 5:

tài	sắc	tham	Gái	trai	tham

Đáp án: .....

Câu hỏi 6:

Thuốc	thật	lòng	giã	tật	sự	đắng	mất

Đáp án: .....

Câu hỏi 7:

mùi	bùn	Gần	mà	chẳng	hôi	bùn	tanh

Đáp án: .....

Câu hỏi 8:

nào	Giang	anh	sơn	nấy	hùng

Đáp án: .....

Câu hỏi 9:

Giống	như	hai	nhau	nước	giọt

Đáp án: .....

Câu hỏi 10:

cheo	Hiểm	như	gươm	nghèo	tóc	sợi

Đáp án: .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 28

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

tài giỏi	tài ba	gầy còm	ốm yếu	cường tráng
tuyệt mĩ	yêu quý	xinh đẹp	tài sản	xinh xắn
mạnh khoẻ	dẻo dai	thoả mãn	tài hoa	giỏi giang

Từ chỉ tài năng				
Từ chỉ sức khoẻ				
Từ chỉ vẻ đẹp				

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Câu thơ "Câu hát căng buồm với gió khơi" có trong bài tập đọc nào?

A. *Đoàn thuyền đánh cá.*

B. *Bè xuôi sông La.*

C. *Bài thơ về tiểu đội xe không kính.*

D. *Chợ Tết.*

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Say xưa. B. Nõn là. C. Dòn giã. D. Trêu chọc.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

A. Ước mơ. B. Khát vọng. C. Mong muốn. D. Chán nản.

Câu hỏi 4: Bài văn nào dưới đây nói về lòng dũng cảm cứu con còn bé dại?

A. Con sẻ.

B. Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ.

C. Khuất phục tên cướp biển.

D. Trống đồng Đông Sơn.

Câu hỏi 5: Từ *tài năng* có thể điền vào chỗ trống trong câu nào dưới đây?

A. Chú ấy là một người ..... vẹn toàn.

B. Trên mặt trống là những nét chạm trổ .....

C. Chúng ta cần phát hiện và bồi dưỡng những ..... trẻ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Từ nào điền được vào chỗ trống trong câu thơ sau?

"Ngõ từ quả thị bước ra
Bé làm cô Tấm ..... bà xâu kim."

A. của. B. giúp. C. muốn. D. cùng.

Câu hỏi 7: Câu nào dưới đây là câu kể kiểu "Ai thế nào?" ?

A. Lớp 4A chúng tôi là lớp rất đoàn kết.

B. Các bạn trong lớp chúng tôi rất đoàn kết.

C. Các thầy cô khuyên chúng tôi đoàn kết.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Từ *đẹp đẽ* có thể điền vào chỗ trống trong câu nào dưới đây?

A. Anh ấy đã ghi được nhiều bàn thắng .....

B. Đó thực sự là những kỉ niệm ..... trong tôi.

C. Hôm đó là một ngày .....

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Từ *dũng cảm* có thể điền vào chỗ trống trong câu nào dưới đây?

A. Chú ấy được coi là một ..... diệt xe tăng.

B. Có thể nói tiểu đội anh ấy có ..... đấu tranh.

C. Chúng ta cần ..... nhận khuyết điểm khi mắc lỗi.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Câu "Tôi thấy bố rất vui mỗi khi đứng ngắm cây mai tứ quý" có:

A. chủ ngữ là "Tôi thấy bố rất vui".

B. vị ngữ là "thấy bố rất vui mỗi khi đứng ngắm cây mai tứ quý."

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Cây gì mọc ở sân trường
Cùng em năm tháng thân thương bạn bè
Nấp trong cành lá tiếng ve
Sắc hoa đỏ rực gọi hè đến mau?"

(Sưu tầm)

- Đó là cây .....

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Dụng cụ xác định phương hướng gồm có một kim nam châm luôn chỉ phương bắc - nam, gọi là ....."

Câu hỏi 3: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Bao nhiêu công việc lặng thầm
Bàn tay của bé đỡ đần mẹ cha
Bé học giỏi bé .....
Bé là cô Tấm, bé là con ngoan."

(Lê Hồng Thiện)

Câu hỏi 4: Hai câu thơ sau đây có trong một bài thơ của Phạm .....

"Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái."

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.71)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Đồng nghĩa với từ *nhân dân* là từ .....bào."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: Các từ "rì rào", "rung rinh", "lung linh", lóng lánh" thuộc loại từ .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Các từ "bây giờ", "khoai nước", "tuyệt đẹp", "diệu kì", "phép lạ", "ngược xuôi" thuộc loại từ .....

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Từ đồng nghĩa với từ *im ắng* là im ....."

Câu hỏi 9: Điền động từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

"Có ..... thì mới có ăn
Không dưng ai dễ đem phần đến cho."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống để hoàn thành câu ca dao sau:

"Ai ơi đã quyết thì hành
Đã đan thì lận ..... mới thôi."

(Ca dao)

VÒNG 29

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Vườn xanh lại đóng khố xanh
Xung quanh trồng hành thả lợn vào trong."

(Sưu tầm)

- Đó là bánh .....

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Như có phép mầu, khiến người ta phải thán phục ngợi ca là ....."

Câu hỏi 3: Điền danh từ riêng thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"..... là món quà tặng diệu kì mà thiên nhiên dành cho đất nước ta."

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.102, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: Điền từ láy có âm đầu "ch" thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Xe chúng tôi leo ..... trên dốc cao của con đường xuyên tỉnh."

(Nguyễn Phan Hách)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Người nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4,... là nhà thiên văn học người ....."

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.103, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu thơ sau đây:

"Ong thấy cáo muốn cướp con,
Kéo nhau xúm lại vây ..... cáo ta.
Châm đầu, châm mắt cáo già,
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi."

(Hồ Chí Minh)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Đi vào vùng xa lạ ít ai đặt chân tới, để khảo sát gọi là ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Đi đến những nơi xa cho biết xứ lạ khác với nơi mình ở là ....."

Câu hỏi 9: Điền từ có vần "êt" hoặc "êch" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Làng Vạn Phúc ở Hà Đông có nghề ....."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Khắp thôn làng trống ..... lừng vang
Em múa hát rước đèn dưới trăng
Trăng ơi trăng sáng ngời, soi khắp trời
Cho đêm nay em múa hát ca vang núi đồi."

(Ánh trăng hoà bình)

Bài thi số 2: THÁM TỬ ONG VÀNG

Sắp xếp các từ (cụm từ) trong các ô sau thành một khổ thơ:

Sông Cửu Long	tiếng vó ngựa	Làng quan họ	Sông Đáy	ngang trời
Sông Hồng	đỏ lặng	mồ chôn	chẳng thể	sông cầu
Sông Bạch Đằng đó	hoá phép	phi	nổi lên	chín rồng
có	ra	Sông Mã	quân thù.	phù sa

Đáp án: .....

.....

.....

.....

.....

.....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Tiếng *chải* ghép với tiếng nào sau đây để được từ đúng chính tả?

A. Nghiệm. B. Đầu. C. Qua. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Tra đỗ. B. Kiểm tra. C. Tra tấn. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: Trong bài *Đường đi Sa Pa* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.102, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao tác giả gọi Sa Pa là "món quà tặng diệu kì" của thiên nhiên?

A. Vì phong cảnh của Sa Pa rất đẹp.

B. Vì sự thay đổi khí hậu trong ngày của Sa Pa.

C. Vì làng xóm luôn yên ả thanh bình.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây dùng để miêu tả cây phượng vĩ?

A. Sum suê. B. Xanh xao. C. Mạnh mẽ. D. Rực rỡ.

Câu hỏi 5: Từ nào dưới đây viết không đúng chính tả?

A. Trăm trú. B. Chăm chú. C. Chăm chăm. D. Trùng trục.

Câu hỏi 6: Tiếng *trãi* ghép với tiếng nào dưới đây để được từ đúng chính tả?

A. Tóc. B. Vãi. C. Vững. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: Bãi biển Đồ Sơn thuộc tỉnh (thành phố) nào dưới đây?

A. Tỉnh Thái Bình. B. Thành phố Hải Phòng.

C. Tỉnh Quảng Ninh. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 8: Khi muốn hỏi giờ một người lớn tuổi, em chọn cách nào dưới đây?

A. Mấy giờ rồi bác?

B. Bác ơi mấy giờ rồi?

C. Bác làm ơn xem hộ cháu mấy giờ rồi ạ?

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Bài thơ *Trăng ơi từ đâu đến?* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.107, NXB Giáo dục, Năm 2014) thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương thế nào?

A. Sự gần gũi của tác giả với ánh trăng.

B. Sự cảm nhận độc đáo về nguồn gốc của trăng.

C. Mọi thứ trong bài đều gắn với hình ảnh quê hương đất nước.

D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Khi muốn nhờ một người bạn mua hộ một cuốn sách, em chọn cách nói nào dưới đây?

A. Cậu xem có cuốn nào hay hay mua giúp tớ để tớ đọc nhé!

B. Mua hộ tớ mấy cuốn sách hay hay để tớ đọc nhé!

C. Cậu có biết chọn sách không, mua cho tớ mấy cuốn để tớ đọc!

D. Cả A, B và C đều đúng.

VÒNG 30

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

tàu thuỷ	la bàn	lều trại	thú dữ	kiên trì
khách sạn	phố cổ	bãi biển	năng động	Hội An
Đà Lạt	Sa Pa	vui vẻ	U Minh	kết quả

Hoạt động du lịch				
Hoạt động thám hiểm				
Địa danh				

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Quả gì ruột đỏ
Lay láy hạt đen
Mời bạn nếm xem
Ngọt ơi là ngọt?"

(Sưu tầm)

- Đó là quả .....

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là hiện tượng ánh áng mặt trời lúc mọc hay lặn phản chiếu lên các đám mây, làm cho cả một khoảng trời sáng rực rỡ, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm."

Câu hỏi 3: Tên của nhân vật chính, người đầu tiên cùng với hạm đội của mình đi vòng quanh thế giới trong câu chuyện *Hơn một nghìn ngày vòng quanh Trái Đất* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.114) là .....

Câu hỏi 4: Điền từ láy âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong hai câu thơ sau:

"Tiếng chim vách núi nhỏ dần
..... tiếng suối khi gần khi xa."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 5: Điền từ có tiếng "du" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau đây:

"Họ là những ..... đầu tiên ở vùng đất nổi tiếng đó."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu ca dao sau đây:

"Đắng cay cũng thể .....
Ngọt ngào cho lắm cũng là người dưng."

Câu hỏi 7: Dụng cụ nhỏ có khung tròn và tay quay dùng trong dệt vải gọi là .....

Câu hỏi 8: Trong bài *Dòng sông mặc áo* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.118, NXB Giáo dục, Năm 2014), buổi chiều đến, dòng sông mặc áo màu hây hây .....

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Đêm thêu trước ngực vầng trăng
Trong nền nhung tím trăm ngàn sao đêm
Khuya rồi, sông mặc áo đen
Nép trong ..... bưởi lặng yên đôi bờ."

(Nguyễn Trọng Tạo)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống để hoàn thành câu thơ sau:

"Rủ nhau chơi khắp Long Thành
Ba mươi sáu phố ..... chẳng sai
Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai
Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Hài, Hàng Khay."

(Hà Nội – 36 phố phường)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Chữ cái nào dưới đây ghép với vần *ot* được tiếng có nghĩa?

A. Chữ *r.* B. Chữ *gi.* C. Chữ *d.* D. Cả A và B.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Rải lao. B. Dải lụa. C. Giải nhựa. D. Dải nhất.

Câu hỏi 3: Từ nào dưới đây có thể dùng để miêu tả con ngan?

A. Xinh xinh. B. Vàng óng. C. Đen nhánh. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: Câu "Cúc à, cậu mặc bộ quần áo này đẹp đấy!" dùng để:

A. biểu lộ cảm xúc vui mừng. B. biểu lộ cảm xúc thán phục.

C. biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên. D. đáp án khác.

Câu hỏi 5: Trong bài *Hơn một nghìn ngày vòng quanh Trái Đất* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.114, NXB Giáo dục, Năm 2014), Ma-gien-lăng thực hiện cuộc thám hiểm với mục đích gì?

A. Cùng mọi người khám phá những điều mới mẻ trên thế giới.

B. Ông có nhiệm vụ khám phá con đường trên biển đến các nơi.

C. Ông và mọi người muốn đi du lịch cho biết đó biết đây.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Câu "Chà, tớ không ngờ cậu hát hay như thế!" dùng để:

A. biểu lộ cảm xúc vui mừng. B. biểu lộ cảm xúc thán phục.

C. biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên. D. đáp án khác.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau từ nào chỉ một phương tiện giao thông?

A. cơ thể. B. cơ sở. C. cơ quan. D. phi cơ.

Câu hỏi 8: Thành phố Hà Nội nổi tiếng với địa danh nào dưới đây?

A. Hồ Hoàn Kiếm. B. Công viên nước Hồ Tây.

C. Văn miếu Quốc Tử Giám. D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Câu chuyện *Hơn một nghìn ngày vòng quanh Trái Đất* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.114, NXB Giáo dục, Năm 2014), giúp em hiểu được gì về các nhà thám hiểm?

A. Họ là những người dũng cảm vượt khó khăn để đạt mục tiêu.

B. Họ là những người ham hiểu biết.

C. Họ là những người ham tìm tòi khám phá những điều mới mẻ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Thành phố Hồ Chí Minh nổi tiếng với địa danh nào dưới đây?

A. Khu du lịch Đầm Sen. B. Khu du lịch Suối Tiên.

C. Khu du lịch Thảo Cầm Viên. D. Cả A, B và C đều đúng.

VÒNG 31

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Và bạn bè nơi đâu
Và những điều mới lạ...
Cây ngõ ngàng mắt lá
..... ngỡ ngàng trời xanh."

(Nguyễn Trọng Hoàn)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Trạng thái ngạc nhiên trước những điều mới lạ gọi là....."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Tên của loài cây cùng họ với dừa, thân thẳng và cao, lá hình quạt được trồng nhiều ở vùng Tây Nam nước ta là ....."

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành hai câu ca dao sau:

"Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết ..... mẹ hiền."

Câu hỏi 5: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Bóng trăng tròn lướt qua ngọn tre
Trăng ..... ánh vàng xóm quê."

(Ánh trăng hoà bình)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Có răng mà chẳng cắn
Có cái ngắn cái dài
Giúp cho em chải tóc
Để mượt mà thêm mãi."

- Đó là cái .....

Câu hỏi 7: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Lật từng trang, từng trang
Giấy trắng sờ mát rượi
Thơm tho mùi giấy mới
.....bàn tay xinh."

(Quang Huy)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là thành phần phụ của câu xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,.... của sự việc nêu trong câu."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Nghệ thuật thiết kế, xây dựng nhà cửa, thành luỹ,... là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Câu "Trên các lề phố, trước cổng các cơ quan,... hoa sấu vẫn nở." có thành phần trạng ngữ chỉ .....

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) đồng nghĩa với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

đậu	du lịch	hạnh phúc	mì	người lính
sung sướng	trắng tay	đi chơi	đất nước	hạt mè
đồng lòng	mất sạch tiền của	hiền lành	hạt vừng	Tổ quốc
đỗ	bộ đội	nhân hậu	sắn	cùng một lòng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi những từ đồng nghĩa tương ứng với từ ở ô bên trên vào ô trống bên dưới

đậu	du lịch	hạnh phúc	mì	người lính
đồng lòng	mất sạch tiền của	hiền lành	hạt vừng	Tổ quốc

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. Lũ lượt. B. Lủ lượt.

C. Nứt nẻ. D. Lặng lẽ.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Lỗ nực. B. Nóng lực.

C. Nỗ lực. D. Lóng lực.

Câu hỏi 3: Trong bài "*Ăng-co Vát*" (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.123, NXB Giáo dục, Năm 2014), khu đền chính được tác giả miêu tả xây dựng kì công như thế nào?

A. Gồm hành lang dài gần 1500 m và 398 gian phòng.

B. Được xây dựng bằng nghệ thuật chạm khắc và kiến trúc cổ đại.

C. Các cây tháp được xây bằng đá ong và bọc ngoài bằng đá nhẵn.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây có thể dùng để miêu tả con mèo?

A. Nhọn hoắt. B. Mềm mượt.

C. Long lanh. D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Bộ phận in đậm trong câu "***Bên ngoài***, mọi người bắt đầu làm việc.":

A. là từ chỉ thời gian.
B. là từ chỉ nơi chốn.
C. là từ chỉ nguyên nhân.
D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Có thể thêm bộ phận nào vào chỗ trống trong câu "Ngoài đường, ...?"

A. mẹ đang nấu cơm.
B. chúng tôi đang học bài.
C. mấy bác xã viên đã bắt đầu ra đồng làm việc.
D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: Trong bài *Chú chuồn chuồn nước* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.127, NXB Giáo dục, Năm 2014), chú chuồn chuồn nước được miêu tả bằng những hình ảnh so sánh nào?

A. Bốn cánh mỏng như giấy bóng.
B. Thân nhỏ và thon vàng như màu nắng mùa thu.
C. Hai con mắt long lanh như thuỷ tinh.
D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Tiếng nào dưới đây có thể điền thêm dấu hỏi để được tiếng có nghĩa?

A. *thong.* B. *thung.* C. *thông.* D. *thưng.*

Câu hỏi 9: Nội dung của bài *Chú chuồn chuồn nước* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.127, NXB Giáo dục, Năm 2014) là gì?

A. Ca ngợi cảnh đẹp và tình yêu quê hương đất nước của tác giả.
B. Miêu tả chú chuồn chuồn nước.
C. Cả A và B.
D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Có thể thêm bộ phận nào vào chỗ trống trong câu "Bên kia sườn núi, ...?"

A. mấy chú cảnh sát giao thông đang canh gác.
B. mấy chú dê con đang gặm cỏ.
C. mấy bạn học sinh đang trồng cây.
D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 32

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền một từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Nực cười châu chấu đá .....
Tưởng rằng chấu ngã ai dè ..... nghiêng."

(Ca dao)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... có nghĩa là tự mình làm, không để người khác làm thay."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Tâu bệ hạ! Thần vừa tóm được một kẻ đang cười ..... ngoài đường."

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.133, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong câu "Có lúc, chim lại vẫy cánh, đạp gió bay vút lên cao." có bộ phận trạng ngữ chỉ .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Quả vàng nằm giữa cành .....
Mải mê góp mật, chuyên cần toả hương."

(Quả ngọt cuối mùa)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Quê em ở chốn ao tù
Vượt qua mặt nước võng dù thấp cao
Đến ngày mở mặt ra chào
Soi gương mới biết tự hào tốt tươi."

- Đó là cây .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Điều có thể gây ra tai hoạ lớn gọi là ....."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Các quan nghe vậy ỉu xìu, còn nhà vua thì thở dài ....."

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.133, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Đi học ở xa (thường là nước ngoài) gọi là đi ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Điền từ có tiếng có âm đầu "x" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Quyển vở này mở ra
Bao nhiêu trang giấy trắng
Từng dòng kẻ ngay ngắn
Như chúng em ....."

(Quyển vở của em)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Câu "***Hôm qua***, lớp em lao động trồng cây ở vườn trường" có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi:

A. Bao giờ lớp em đi lao động? B. Khi nào lớp em đi lao động?

C. cả A và B đều đúng. D. đáp án khác.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Cá xấu. B. Chữ xấu. C. Cây xấu. D. Quả sấu.

Câu hỏi 3: Trong bài *Vương quốc vắng nụ cười* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.132, NXB Giáo dục, Năm 2014), những chi tiết nào cho thấy cuộc sống ở vương quốc nọ rất buồn?

A. Dân cư ở vương quốc đó không ai biết cười.

B. Cảnh vật ở vương quốc đó rầu rĩ héo hon.

C. Ở vương quốc đó, chim không muốn hót, hoa không muốn nở.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây có thể dùng để miêu tả con tê tê?

A. đen nhạt B. mềm mại C. nhỏ nhắn D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Câu "***Lúc hoàng hôn***, mặt biển đỏ rực" có bộ phận in đậm:

A. trả lời cho câu hỏi "Khi nào?".

B. trả lời cho câu hỏi "Mấy giờ?".

C. trả lời cho câu hỏi "Từ lúc nào?".

D. cả A, B và C.

Câu hỏi 6: Bài thơ *Ngắm trăng* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.137, NXB Giáo dục, Năm 2014) nói lên điều gì về Bác?

A. Ca ngợi sự lạc quan, yêu đời của Bác.

B. Nói lên sự khó khăn, vất vả của Bác.

C. Nói lên tâm hồn lãng mạn của Bác trước cảnh đêm trăng đẹp.

D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Câu "Chỉ ba tháng sau, nhờ siêng năng, cần cù, cậu vượt lên dẫn đầu lớp" có trạng ngữ là:

A. Chỉ ba tháng sau.

B. nhờ siêng năng.

C. cần cù.

D. Chỉ ba tháng sau, nhờ siêng năng, cần cù.

Câu hỏi 8: Câu "***Giữa lúc gió đang gào thét ấy***, những cây đại thụ có khi cũng bị bật gốc" có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi:

A. Khi nào?

B. Bao giờ?

C. Từ lúc nào?

D. Cả B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Chữ *s* ghép với vần nào dưới đây để được tiếng có nghĩa?

A. Vần *ot.*

B. Vần *ôc.*

C. Vần *om.*

D. Vần *ôm.*

Câu hỏi 10: Bài thơ *Không đề* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.137, NXB Giáo dục, Năm 2014) nói lên điều gì về Bác?

A. Ca ngợi sự lạc quan, yêu đời của Bác trong cuộc sống.

B. Nói lên phong thái ung dung của Bác.

C. Đề cao tinh thần vượt khó khăn gian khổ của Bác.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Học		hiểu	mười

Câu hỏi 2:

Học	ăn	học		học	gói	học	mở

Câu hỏi 3:

Kẻ		người	đưa

Câu hỏi 4:

Kiếm	củi	ba	năm		một	giờ

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5:

Kẻ		lạng	người	nửa	cân

Câu hỏi 6:

Khéo		khéo	nói

Câu hỏi 7:

Kẻ	khóc		cười

Câu hỏi 8:

Khéo	ăn	thì	no	khéo		thì	ấm

Câu hỏi 9:

Khôn	ăn		dại	ăn	nước

Câu hỏi 10:

Không	cầu	mà	được	không		mà	nên

VÒNG 33

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

quan sát	lạc quan	quan lại	tham quan	quan võ
quan quân	quan hệ	nhãn quan	quan tâm	trực quan
kì quan	liên quan	khách quan	quan văn	bàng quan

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Tiếng quan có nghĩa là "quan lại"				
Tiếng quan có nghĩa là "nhìn, xem"				
Tiếng quan có nghĩa là "liên hệ"				

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ láy âm đầu "ch" thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Chim bay, chim sà
Lúa tròn bụng sữa
Đồng quê .....
Những lời chim ca."

(Huy Cận)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống cho phù hợp:

"Cao đến mức tầm mắt khó nhìn thấy gọi là ....."

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống từ láy âm đầu "ch" cho phù hợp:

"Hôm nay trời nắng .....
Mèo con đi học chẳng mang thứ gì"

(Phan Thị Vàng Anh)

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống cho phù hợp:

"Tròn đều, vẻ gọn và đẹp là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống từ có vần "iêu" hoặc "iu" cho phù hợp:

"Vì con mẹ khổ đủ .....
Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn"

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Con gì mõm nhọn đuôi dài
Thoáng thấy bóng mèo co cẳng chạy mau?"

- Đó là con .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống từ có tiếng "lạc" cho phù hợp:

"Có cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai tốt đẹp là nghĩa của từ ....."

Câu hỏi 8: Điền từ có tiếng "lạc" vào chỗ trống sau đây:

"Bạn Huy làm bài văn bị .....nên không đạt yêu cầu

Câu hỏi 9: Trong câu chuyện *Vương quốc vắng nụ cười* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.143, NXB Giáo dục, Năm 2014), chú bé khiến mọi người trong cung cười được có tóc để ....."

Câu hỏi 10: Chọn từ để điền vào chỗ trống cho phù hợp: "Trạng ngữ chỉ ..... trả lời cho các câu hỏi *Để làm gì?, Nhằm mục đích gì?, Vì cái gì?,....*"

(Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.150, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Tiếng *thuỷ* ghép với tiếng nào dưới đây để được từ có nghĩa:

A. chiều. B. triều. C. trung. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Nghỉ hưu. B. Nghỉ hiu. C. Con hiêu. D. Con hưu.

Câu hỏi 3: Trong bài thơ *Con chim chiền chiện* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.148, NXB Giáo dục, Năm 2014), tiếng hót của con chim chiền chiện được miêu tả thế nào?

A. Ngọt ngào, long lanh B. Trong veo, gieo thành từng chuỗi

C. Hót không biết mỏi D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: Câu tục ngữ: "Sông có khúc, người có lúc" khuyên ta điều gì?

A. Cần lạc quan tin tưởng vào cuộc sống.

B. Biết vượt qua khó khăn sẽ có lúc thành công.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 5: Trong bài thơ *Con chim chiền chiện* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.148, NXB Giáo dục, Năm 2014), tiếng hót của chim chiền chiện gợi cho ta cảm giác như thế nào?

A. Cuộc sống yên bình, hạnh phúc hơn.

B. Thêm yêu đời, yêu cuộc sống.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Từ nào dưới đây chỉ tính cách của những người có tính hài hước?

A. Vui tươi. B. Vui vẻ. C. Vui tính. D. Vui chơi.

Câu hỏi 7: Thành ngữ "Năng nhặt chặt bị" khuyên ta điều gì?

A. Biết tiết kiệm giành giụm tiền của.

B. Chăm chỉ làm việc và tích cóp tiền của.

C. Chăm chỉ tiết kiệm để làm giàu.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây không đồng nghĩa với từ "trẻ em"?

A. Trẻ thơ. B. Thiếu nhi. C. Em bé. D. Học sinh.

Câu hỏi 9: Có thể viết thêm bộ phận "Để tìm thức ăn," vào trước câu nào sau đây:

A. ..., lợn thường lấy mõm dũi đất lên.

B. ..., lợn dùng hai chân trước để cào đất lên.

C. ..., lợn thường đi vào các bụi rậm.

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu hỏi 10: Câu "Vì tập thể lớp, chúng ta phải phấn đấu học tập" có trạng ngữ chỉ gì?

A. Nguyên nhân. B. Nơi chốn. C. Mục đích. D. Đáp án khác.

VÒNG 34

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Việc thu thập số liệu về một hiện tượng, sự việc hay môt tình hình nào đó gọi là .....".

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Chẳng nhìn thấy ve đâu chỉ .....tiếng hát
Bè trầm hoà bè cao trong mầu lá xanh dầy."

(Minh Châu)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Cơ bắp của người ở trạng thái thả lỏng tạo nên cảm giác thoải mái gọi là ....."

Câu hỏi 4: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu thơ sau đây:

"Bao giờ cho đến tháng ba
Ếch cắn cổ ..... tha ra ngoài đồng."

(Vè nói ngược)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Trong bài *Tiếng cười là liều thuốc bổ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.153, NXB Giáo dục, Năm 2014) theo tác giả, ở một số nước, người ta đã dùng biện pháp gây cười để ..... bệnh nhân.

Câu hỏi 6: Điền từ có thanh hỏi thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Mẹ vui, con có ..... gì
Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca."

(Mẹ ốm)

Câu hỏi 7: Điền từ có tiếng "quan" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm ..... là hình thức kiểm tra giúp giáo viên kiểm tra học sinh được nhiều kiến thức một cách tổng hợp."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau đây:

"Trạng ngữ chỉ ..... thường mở đầu bằng các từ *bằng, với* và trả lời cho các câu hỏi *Bằng cái gì?, Với cái gì?.*

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

".....là có mặt thường xuyên ở chỗ nhất định để trông nom hoặc sẵn sàng làm một việc gì."

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Không chân nên chỉ biết nằm
Nhưng mà cày đất rất chăm mới tài."

(Sưu tầm)

- Đó là con .....

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Tiếng nào dưới đây có thể thêm thanh hỏi để được từ đúng chính tả?

A. Quyên. B. Bao. C. Thu. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: Tiếng nào dưới đây có thể thêm thanh ngã để được từ đúng chính tả?

A. Thanh. B. Man. C. Hương. D. Bang.

Câu hỏi 3: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. ròng rã. B. dòng suối. C. giang tay. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Rực rỡ. B. Dâm dan. C. Giòn dã. D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Câu "Họ đã đi lên bằng chính đôi chân của mình" trả lời câu hỏi:

A. Họ đi lên bằng phương tiện gì?

B. Họ đi lên bằng cái gì?

C. Họ đi lên với cái gì?

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Câu "Với giọng ca ngọt ngào, cô đã giành giải vàng" trả lời câu hỏi:

A. Cô đã giành giải vàng với cái gì?

B. Bằng cái gì cô đã giật giải vàng?

C. Bằng cách nào, cô đã giật giải vàng?

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 7: Trong bài *Tiếng cười là liều thuốc bổ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.153, NXB Giáo dục, Năm 2014), vì sao nói tiếng cười là liều thuốc bổ?

A. Vì khi cười tốc độ thở tăng thêm.

B. Vì khi cười cơ mặt được thư giãn thoải mái.

C. Vì khi nổi giận cơ thể tiết ra chất làm hẹp mạch máu.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây ghép với từ "quan" được từ có nghĩa?

A. chính. B. chủ.

C. bản. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: Câu chuyện *Tiếng cười là liều thuốc bổ* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.153, NXB Giáo dục, Năm 2014) giúp cho ta được điều gì?

A. Cần phải cười thật nhiều hàng ngày.

B. Trong cuộc sống, cần phải sống một cách chan hoà vui vẻ.

C. Trong bệnh viện nên cười đùa thoải mái để mau khỏi bệnh.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Câu chuyện *Ăn mầm đá* vì sao Chúa ăn tương vẫn thấy ngon miệng?

A. Vì đợi món "mầm đá" quá lâu nên đói bụng.

B. Vì tương là một món ngon nhưng đã lâu Chúa không được ăn.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

vui chơi	vui lòng	góp vui	vui mừng	vui nhộn
vui sướng	niềm vui	vui thú	vui tính	mua vui
vui tươi	vui vẻ	vui vui	ngày vui	vui cười
Từ chỉ hoạt động				
Từ chỉ cảm giác				
Từ chỉ tính tình				

VÒNG 35

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền chữ còn thiếu vào câu thơ trong bài *Lượm* của nhà thơ Tố Hữu:

"Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu ....."

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống từ có vần "iêu" thích hợp để hoàn thành câu tục ngữ:

"Tích ..... thành đại."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Tính từ trong câu "Thành phố có những ngôi nhà cổ kính" là .....

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong hai câu thơ sau:

"Nếu nhắm mắt trong vườn .....
Sẽ được nghe nhiều tiếng chim hay."

(Nói với em)

Câu hỏi 5: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Tôi như sợi chỉ mỏng manh
Thế mà cõng vác bao anh ngại gì
Theo tôi thẳng lối mà đi
Hàng hàng lần lượt những khi học hành."

- Đó là .....

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau: "Người phát minh ra chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới là....."

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau: Câu "Gà trống được coi như xứ giả của bình minh" là câu kể kiểu "Ai .....?"

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"..... mọc hoang khắp nơi hoặc được trồng làm hàng rào và làm cảnh."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu ca dao đúng:

"Làm người chẳng biết ..... suy
Đến khi nghĩ lại còn gì là thân."

Câu hỏi 10: Điền từ láy thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau đây:

"Nếu nhắm mắt nghĩ về cha mẹ
Đã nuôi em khôn lớn từng ngày
Tay bồng bế sớm khuya .....
Mắt nhắm rồi, lại mở ra ngay."

(Vũ Quần Phương)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các câu sau, câu nào có bộ phận trạng ngữ chỉ thời gian?

A. Đến rằm, mặt trăng tròn vành vạnh, sáng vằng vặc.

B. Mặt trăng mỗi lúc một tròn và sáng hơn.

C. Trên mặt trăng, chú Cuội và chị Hằng cũng vui Tết Trung thu.

D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2: Các câu thơ sau đây là của tác giả nào?

"Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng."

A. Trần Đăng Khoa. B. Nguyễn Khoa Điềm.
C. Huy Cận. D. Nguyễn Đình Thi.

Câu hỏi 3: Trong câu sau, bộ phận nào là vị ngữ?

"Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân."

A. mỗi năm. B. trở lại. C. tuổi xuân. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 4: Câu "Ở vùng này, lúc hoàng hôn, phong cảnh thật là đẹp bởi những dãy núi nhấp nhô, trùng điệp" có bộ phận trạng ngữ chỉ:

A. thời gian. B. nơi chốn. C. phương tiện. D. cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Tiếng *lạc* trong từ *lạc quan* có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ sự vui mừng, tin tưởng vào bản thân.
B. Chỉ việc làm sai, không đúng với yêu cầu đặt ra.
C. Chỉ sự đi sau hoặc bị rớt lại phía sau.
D. Cả A, B và C đều sai.

Câu hỏi 6: Tiếng *quan* trong từ *lạc quan* có nghĩa nào dưới đây?

A. Chỉ các vị quan lại trong triều đình xưa.
B. Chỉ việc quan sát mọi vật.
C. Chỉ sự liên hệ gắn bó mất thiết.
D. Đáp án khác.

Câu hỏi 7: Câu "Từ những chiếc vỏ lon, họ đã làm thành những đồ chơi rất đẹp" có:

A. bộ phận chủ ngữ là "Từ những chiếc vỏ lon."
B. bộ phận vị ngữ trả lời cho câu hỏi "làm gì?".
C. bộ phận trạng ngữ chỉ "thời gian."
D. Cả A, B và C đều đều đúng.

Câu hỏi 8: Trong các bài tập đọc dưới đây, bài nào có nội dung ca ngợi quê hương đất nước?

A. *Hơn một nghìn ngày vòng quanh Trái Đất.*
B. *Tiếng cười là liều thuốc bổ.*
C. *Ngắm trăng.*
D. *Con chuồn chuồn nước.*

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Trong khổ thơ sau, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

"Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng.
Thân dừa bạc phếch tháng năm
Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao."

(*Cây dừa* - Trần Đăng Khoa)

A. So sánh. B. Nhân hoá. C. Ẩn dụ. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Trạng ngữ trong câu: "Nhà ảo thuật đã tạo ra những tiết mục thật đặc sắc chỉ với một chiếc khăn bình dị" bổ sung cho câu ý nghĩa gì?

A. Nguyên nhân. B. Phương tiện.

C. Nơi chốn. D. Mục đích.

Bài thi số 3: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) đồng nghĩa, gần nghĩa với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

dũng cảm	mèo	lẽ phải	chân lí	lúng túng
Quân khởi nghĩa	bối rối	vi trí công tác	do dự	cống hiến
cương vị	đóng góp có giá trị	phân vân	sơn	nghĩa quân
đúng hợp lẽ phải	chính đáng	can đảm	núi	tiểu hổ

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi những từ đồng nghĩa tương ứng với từ ở ô bên trên vào ô trống bên dưới:

dũng cảm	mèo	lẽ phải	chân lí	lúng túng
cương vị	đóng góp có giá trị	phân vân	sơn	nghĩa quân

ĐÁP ÁN CÁC CÂU HỎI – BÀI TẬP

VÒNG 1

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. m.

Câu hỏi 2: A. Năm.

Câu hỏi 3: A. Ba.

Câu hỏi 4: C. Âm chính, thanh điệu.

Câu hỏi 5: B. Cây gỗ.

Câu hỏi 6: C. Sáu.

Câu hỏi 7: D. Sáu.

Câu hỏi 8: D. Dưới nước.

Câu hỏi 9: C. o.

Câu hỏi 10: D. Vần, thanh điệu.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: huyền.

Câu hỏi 2: h.

Câu hỏi 3: thổ cẩm. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.11, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: bầu.

Câu hỏi 5: ăn hiếp. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.5, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: anh.

Câu hỏi 7: lần rường. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.9, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: cơi trầu. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.10, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: la bàn.

Câu hỏi 10: lại. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.9, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Điền từ còn thiếu vào ô trống cho phù hợp:

Câu hỏi 1:

Nhường	cơm	sẻ	áo

Câu hỏi 2:

Lá	lành	đùm	lá	rách

Câu hỏi 3:

Cây	ngay	không	sợ	chết	đứng

Câu hỏi 4:

Thương	người	như	thể	thương	thân

Câu hỏi 5:

Một	cây	làm	chẳng	nên	non

Câu hỏi 6:

Một	con	ngựa	đau	cả	tàu	bỏ	cỏ

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7:

Bầu	ơi	thương	**lấy**	bí	cùng

Câu hỏi 8:

Anh	em	bốn	bể	một	**nhà**

Câu hỏi 9:

Một	giọt	máu	**đào**	hơn	ao	nước	lã

Câu hỏi 10:

Đói	cho	**sạch**	rách	cho	thơm

VÒNG 2

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. xơ xác.

Câu hỏi 2: A. Chim sáo.

Câu hỏi 3: C. Xuất sắc.

Câu hỏi 4: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 5: B. nhân ái.

Câu hỏi 6: B. Dùng càng đạp phành phạch để uy hiếp bọn nhện.

Câu hỏi 7: B. Độc ác.

Câu hỏi 8: A. Nhân từ.

Câu hỏi 9: B. Súm sít. (Viết theo C hoặc D đều đúng).

Câu hỏi 10: C. Đùm bọc.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: xanh.

Câu hỏi 2: trăng – trắng.

Câu hỏi 3: lành.

Câu hỏi 4: người.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Thanh Nhàn.

Câu hỏi 6: ác.

Câu hỏi 7: giúp.

Câu hỏi 8: Mỹ Dạ.

Câu hỏi 9: sâu xa.

Câu hỏi 10: hai chấm.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Nhiễu	điều	phủ	lấy	**giá**	gương

Câu hỏi 2:

Ăn	ở	có	**nhân**	mười	phần	chẳng	khó

Câu hỏi 3:

Anh	em	như	**thể**	tay	chân

Câu hỏi 4:

Cả	bè	hơn	**cây**	nứa

Câu hỏi 5:

Bẻ	đũa	chẳng	bẻ	được	cả	**nắm**

Câu hỏi 6:

Gà	**cùng**	một	mẹ	chớ	hoài	đá	nhau

Câu hỏi 7:

Thương	nhau	**như**	chị	em	gái

Câu hỏi 8:

Anh	em	hoà	thuận	hai	**thân**	vui	vầy

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9:

Một	miếng	khi	**đói**	bằng	gói	khi	no

Câu hỏi 10:

Chết	cả	**đống**	hơn	sống	một	người

VÒNG 3

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Lòng thương người	nhân hậu	nhân từ	hiền từ	hiền hậu
Tình đoàn kết	đoàn kết	giúp đỡ	cưu mang	đùm bọc
Trái nghĩa với nhân hậu	tàn ác	độc ác	hung ác	ác khẩu

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. 3 từ. (truyện cổ; cuộc sống; thầm thì)

Câu hỏi 2: B. Dấu ngã.

Câu hỏi 3: B. 2 từ. (thì; được)

Câu hỏi 4: A. Hiền như bụt.

Câu hỏi 5: D. Cả A và B.

Câu hỏi 6: B. Trứng minh. (chứng minh)

Câu hỏi 7: B. Độc ác.

Câu hỏi 8: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: A. Chia rẽ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: trước. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.27, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: quyên. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.26, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: chằm chằm. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.31, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: trứng. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.9, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: trăng.

Câu hỏi 6: bút chì.

Câu hỏi 7: chum. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.18, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: từ phức. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.28, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: chữ đồng.

Câu hỏi 10: chẳng. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.19, NXB Giáo dục, Năm 2014)

VÒNG 4

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Nhỏ nhẹ.

Câu hỏi 2: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: C. Xinh xắn.

Câu hỏi 4: B. Hiền hậu.

Câu hỏi 5: A. Láy âm đầu.

Câu hỏi 6: B. Láy vần.

Câu hỏi 7: D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 8: D. Nhà cửa.

Câu hỏi 9: D. Bồng bềnh.

Câu hỏi 10: B. Rễ siêng không ngại đất nghèo, mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: lánh.

Câu hỏi 2: rì rào.

Câu hỏi 3: từ ghép.

Câu hỏi 4: tre.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: thái tử. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.37, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: tiến cử. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.37, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: ngoan ngoãn.

Câu hỏi 8: dần dần.

Câu hỏi 9: dáng, già. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.41, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: Luỹ thành. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.42, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Từ láy âm đầu	vui vẻ	lập loè	xơ xác	nhút nhát
Từ láy vần	lăn tăn	lạt sạt	leng keng	lủng củng
Từ láy hoàn toàn	trăng trắng	rào rào	xanh xanh	tim tím

VÒNG 5

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: len.

Câu hỏi 2: sững sờ. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.47, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: lõi đời. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.50, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: xẻng.

Câu hỏi 5: trung thực. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.50, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: chó săn. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.47, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: cha ông.

Câu hỏi 8: chim én.

Câu hỏi 9: Danh từ. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.53, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: cười lâu.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi các từ còn thiếu vào ô trống tương ứng

đức độ sáng suốt	tự tin	tự kiêu	đoàn kết	lừa đảo
hiền minh	tự trọng	tự cao	đồng lòng	gian dối
thật thà	Long thành	vua	lạnh lẽo	hoàng hôn
trung trực	thành Thăng Long	bệ hạ	lạnh lùng	xế chiều

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Bác sĩ.

Câu hỏi 2: C. Trung thu.

Câu hỏi 3: B. Thật thà.

Câu hỏi 4: B. Lon nửa.

Câu hỏi 5: A. Xen kẽ.

Câu hỏi 6: B. mưa rừng.

Câu hỏi 7: A. Nhà vua chọn người trung thực để truyền ngôi.

Câu hỏi 8: A. Vì Cáo là một kẻ gian ngoan chuyên lừa đảo.

Câu hỏi 9: A. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình.

Câu hỏi 10: A. Thẳng như ruột ngựa.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 6

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Chung gian. (trung gian)

Câu hỏi 2: A. Sắp xếp.

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: D. Cả B và C.

Câu hỏi 5: B. Trung thành.

Câu hỏi 6: D. Trân trọng.

Câu hỏi 7: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: C. Tự tin.

Câu hỏi 9: A. Dấu hỏi.

Câu hỏi 10: A. Quốc Toản.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: xôi gấc.

Câu hỏi 2: sâu.

Câu hỏi 3: dằn vặt. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.56, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: tặc lưỡi. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.60, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: Cá sấu.

Câu hỏi 6: chảy.

Câu hỏi 7: quãng.

Câu hỏi 8: Trường Sơn.

Câu hỏi 9: tự hào.

Câu hỏi 10: Trung thành.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2:

Đói	cho	**sạch**	rách	cho	thơm

Câu hỏi 3:

Giấy	rách	phải	giữ	lấy	**lề**

Câu hỏi 4:

Chết	**vinh**	hơn	sống	nhục

Câu hỏi 5:

Bắn	súng	không	**nên**	phải	đền	đạn

Câu hỏi 6:

Ăn	mặn	nói	ngay	hơn	ăn	**mày**	nói	dối

Câu hỏi 7:

Ăn	có	**nơi**	chơi	có	chốn

Câu hỏi 8:

Cái	**nết**	đánh	chết	cái	đẹp

Câu hỏi 9:

Khôn	ngoan	chẳng	**bõ**	thật	thà

Câu hỏi 10:

Khôn	ngoan	đến	cửa	**quan**	mới	biết

VÒNG 7

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: trồng.

Câu hỏi 2: Vươn mình.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: nông trường. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.67, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: Liên Hương.

Câu hỏi 5: ý chí.

Câu hỏi 6: tưởng tượng.

Câu hỏi 7: vươn lên.

Câu hỏi 8: Bắc Kạn.

Câu hỏi 9: trí tuệ.

Câu hỏi 10: Bát Tràng.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Hà Nội.

Câu hỏi 2: C. thu Đông.

Câu hỏi 3: D. Hà thành (Không phải là tên tỉnh, thành phố)

Câu hỏi 4: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 5: B. Thép Mới.

Câu hỏi 6: A. Tất cả đều to hơn bình thường rất nhiều.

Câu hỏi 7: B. Tiếng *nứa*.

Câu hỏi 8: A. Tiếng *tâm*.

Câu hỏi 9: C. Kể về câu chuyện do Tin-tin và Mi-tin tưởng tượng ra.

Câu hỏi 10: A. vùng cao.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Danh từ chỉ tên người	Nguyễn Huệ	Quang Trung	Vừ A Dính	Thu Hà
Danh từ chỉ tên địa lí	Trường Sơn	Thái Bình	Châu Thành	Ba Vì
Danh từ chung	núi non	giáo viên	mây mưa	sông ngòi

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 8

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Định Hải.

Câu hỏi 2: C. Ê-đi-xơn.

Câu hỏi 3: C. Tô-ki-ô.

Câu hỏi 4: C. Luân Đôn.

Câu hỏi 5: A. Nói lên khát vọng hoà bình của các bạn nhỏ.

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: B. Vần *ưa.*

Câu hỏi 8: A. rong ruổi.

Câu hỏi 9: B. Xu-phe-rốp.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: liên.

Câu hỏi 2: ăn kiêng.

Câu hỏi 3: vận động. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.81, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: dừa.

Câu hỏi 5: ngoặc kép. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.83, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: Ngủ dậy. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.76, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: Tây Hồ.

Câu hỏi 8: Nhật Bản.

Câu hỏi 9: Lái.

Câu hỏi 10: ruột. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.77, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Đầu	năm	sương	muối	cuối	năm	gió	nồm

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2:

Cái | **răng** | cái | tóc | là | gốc | con | người

Câu hỏi 3:

Chân | ngoài | **dài** | hơn | chân | trong

Câu hỏi 4:

Tháng | tám | nắng | **rám** | trái | bưởi

Câu hỏi 5:

Rừng | vàng | biển | bạc

Câu hỏi 6:

Cháy | nhà | mới | **ra** | mặt | chuột

Câu hỏi 7:

Trồng | cây | gây | **rừng**

Câu hỏi 8:

Cái | kim | bọc | **giẻ** | lâu | ngày | cũng | ra

Câu hỏi 9:

Cây | muốn | lặng | **gió** | chẳng | đừng

Câu hỏi 10:

Cơm | **dẻo** | canh | ngọt

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 9

Bài thi số 1: THÁM TỬ ONG VÀNG

Đáp án:

Tre xanh xanh tự bao giờ
Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc lá mong manh
Mà sao nên luỹ nên thành tre ơi?

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: bất giác. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.86, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: rèn. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.85, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: Ước mơ.

Câu hỏi 4: na.

Câu hỏi 5: nắng.

Câu hỏi 6: lặn.

Câu hỏi 7: non.

Câu hỏi 8: nực. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.86, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: nóc.

Câu hỏi 10: tham lam. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.90, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Mơ tưởng.

Câu hỏi 2: D. Xe máy.

Câu hỏi 3: B. Buông bán. (buôn bán)

Câu hỏi 4: B. No ấm.

Câu hỏi 5: B. Trăng ngàn.

Câu hỏi 6: C. Nản lòng.

Câu hỏi 7: C. Ước muốn tham lam sẽ không đem lại hạnh phúc cho ta.

Câu hỏi 8: D. Bát ngát.

Câu hỏi 9: A. Nói với mẹ bằng giọng xúc động đầy tình cảm.

Câu hỏi 10: A. Mơ ước được thực hiện một cách tốt đẹp.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 10

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: cần cù.

Câu hỏi 2: Long Thành.

Câu hỏi 3: rung rinh. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.99, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: hạt giống. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.76, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: Hoá.

Câu hỏi 6: đơn.

Câu hỏi 7: láy.

Câu hỏi 8: ngọt ngào. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.9, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: hoạt động.

Câu hỏi 10: trạng thái.

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Động từ chỉ hoạt động	trồng cây	cấy lúa	bắn súng	giảng bài
Động từ chỉ trạng thái	mệt mỏi	chăm chú	mơ hồ	say sưa
Danh từ chỉ nghề nghiệp	làm ruộng	giáo viên	bộ đội	dạy học

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. Chăm trú.

Câu hỏi 2: B. Lúng liếng.

Câu hỏi 3: B. Nếu chúng mình có phép lạ.

Câu hỏi 4: C. Thư thăm bạn.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: B. nhè nhẹ.

Câu hỏi 6: A. 2 động từ (đồng ý; làm bài).

Câu hỏi 7: B. Sang sảng.

Câu hỏi 8: D. Biệt tích.

Câu hỏi 9: A. Nhân ái.

Câu hỏi 10: C. Nổi lên.

VÒNG 11

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: bền.

Câu hỏi 2: sức. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.105, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: đang. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.106, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: mờ.

Câu hỏi 5: kinh ngạc.

Câu hỏi 6: khẽ.

Câu hỏi 7: tính từ. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.111, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: Hiền.

Câu hỏi 9: bạc phếch.

Câu hỏi 10: rùa.

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp như sau:

Danh từ	học sinh	chiến sĩ	thao trường	trường học
Tính từ	rôm rả	cần cù	chăm chỉ	vui vẻ
Động từ	chăm sóc	luyện tập	chiến đấu	lo lắng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Câu hỏi 2: D. Sa hoa. (xa hoa)

Câu hỏi 3: A. Tính từ.

Câu hỏi 4: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 5: A. Danh từ.

Câu hỏi 6: A. Vì chú rất ham chơi diều.

Câu hỏi 7: A. Động từ chỉ trạng thái.

Câu hỏi 8: D. Rậm rạp.

Câu hỏi 9: B. Mờ.

Câu hỏi 10: A. Khuyên ta kiên trì làm việc thì mọi việc đều sẽ thành công.

VÒNG 12

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nổi.

Câu hỏi 2: hướng.

Câu hỏi 3: cầm đồ. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.116, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: chạy.

Câu hỏi 5: vất vả.

Câu hỏi 6: trứng.

Câu hỏi 7: độc chiếm. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.116, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: khổ luyện. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.119, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: muông.

Câu hỏi 10: Quyết chí.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Chí khí.

Câu hỏi 2: B. Vương vai. (vươn vai)

Câu hỏi 3: C. Kiên cố.

Câu hỏi 4: A. Kiên trì.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: B. Trong khó khăn gian nan mới biết tài năng ý chí con người.

Câu hỏi 6: D. Cả B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: B. Nản chí.

Câu hỏi 8: C. Do ông khổ luyện, miệt mài và có ý chí quyết tâm học vẽ.

Câu hỏi 9: B. hoa.

Câu hỏi 10: A. Vì mấy ngày đầu thầy chỉ cho Lê-ô-nác-đô vẽ trứng.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Lửa	thử	vàng	**gian**	nan	thử	sức

Câu hỏi 2:

Tay	**không**	mà	nổi	cơ	đồ	mới	ngoan

Câu hỏi 3:

Có	vất	vả	mới	**thanh**	nhàn

Câu hỏi 4:

Nước	lã	mà	**vã**	nên	hồ

Câu hỏi 5:

Có	**chí**	thì	nên

Câu hỏi 6:

Thua	keo	này	**bày**	keo	khác

Câu hỏi 7:

Nước	chảy	đá	**mòn**

Câu hỏi 8:

Chớ	thấy	sóng	**cả**	mà	ngã	tay	chèo

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9:

Thất	bại	là	**mẹ**	thành	công

Câu hỏi 10:

Thắng	không	kiêu	bại	không	**nản**

VÒNG 13

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. Nóng ngóng. (lóng ngóng)

Câu hỏi 2: A. Trí thức.

Câu hỏi 3: C. Mười trang.

Câu hỏi 4: B. Vì ông học giỏi nhưng chữ của ông lại rất xấu.

Câu hỏi 5: A. Ăn lo. (ăn no)

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: A. quyết tâm.

Câu hỏi 8: A. Khó khăn.

Câu hỏi 9: B. Mình đã gặp cậu ta ở đâu rồi thì phải?

Câu hỏi 10: A. *thực*.

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Đồng nghĩa với ý chí	kiên cường	kiên trì	chí khí	quyết chí
Trái nghĩa với nghị lực	sờn lòng	nản chí	nhụt chí	chán nản
Trò chơi dân gian	chơi ô ăn quan	bịt mắt bắt dê	chơi chuyền	thả đỉa ba ba

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nên.

Câu hỏi 2: liều.

Câu hỏi 3: thiết kế. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.126, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: lời.

Câu hỏi 5: kiên trì.

Câu hỏi 6: nói năng.

Câu hỏi 7: chí lí.

Câu hỏi 8: Dấu (?).

Câu hỏi 9: lợn.

Câu hỏi 10: no.

VÒNG 14

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: say sưa.

Câu hỏi 2: tấc.

Câu hỏi 3: kị sĩ. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.135, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: sáng.

Câu hỏi 5: hoảng hốt.

Câu hỏi 6: soi.

Câu hỏi 7: Ai?. (Hăng hái nhất và khoẻ nhất là ai?)

Câu hỏi 8: làm gì?. (chúng em thường làm gì?)

Câu hỏi 9: phải không.

Câu hỏi 10: sáo.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Bồng xúng. (bồng súng)

Câu hỏi 2: D. Đề nghị (Hỏi với thái độ không được vui).

Câu hỏi 3: D. Cả B và C đều đúng (tấc vải, tấc đất).

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: A. Chữ *kh.* (khấc)

Câu hỏi 5: A. Bến cảng như thế nào?

Câu hỏi 6: B. Bọn trẻ hay thả diều ở đâu?

Câu hỏi 7: C. nào.

Câu hỏi 8: A. Thể hiện thái độ khen ngợi.

Câu hỏi 9: A. Cậu học như thế thì đạt được cái gì?

Câu hỏi 10: C. Kể về quá trình chú Đất Nung trở thành cứng rắn hơn.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Có	cứng	mới	**đứng**	được	đầu	gió

Câu hỏi 2:

Có	công	mài	sắt	có	**ngày**	nên	kim

Câu hỏi 3:

Ngày	**xuân**	con	én	đưa	thoi

Câu hỏi 4:

Trông	mặt	mà	**bắt**	hình	dong

Câu hỏi 5:

Nước	**sôi**	lửa	bỏng

Câu hỏi 6:

Chim	có	tổ	người	có	**tông**

Câu hỏi 7:

Thân	lừa	ưa	**nặng**

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8:

Muốn	biết	phải	**hỏi**	muốn	giỏi	phải	học

Câu hỏi 9:

Công	cha	**nghĩa**	mẹ	ơn	thầy

Câu hỏi 10:

Ăn	bữa	trưa	**chừa**	bữa	tối

VÒNG 15

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: trăm.

Câu hỏi 2: chữ.

Câu hỏi 3: khát vọng. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.146, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: dân gian.

Câu hỏi 5: chỗ. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.149, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: vẫn. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.149, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: Hãnh diện. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.151, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: nữ.

Câu hỏi 9: trai.

Câu hỏi 10: trâu.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Chê.

Câu hỏi 2: C. Cảm xúc của tác giả về những cánh diều tuổi thơ.

Câu hỏi 3: A. Trật chội. (chật chội)

Câu hỏi 4: A. Nhắn mẹ đừng buồn dù đi đâu con vẫn tìm đường về với mẹ.

Câu hỏi 5: A. Cam.

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: C. Cả A và B đều sai. (đánh cá, thi ca múa hát không là trò chơi)

Câu hỏi 8: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: C. thưng. (lũng thũng)

Câu hỏi 10: A. bạn bè.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Trò chơi dân gian	bịt mắt bắt dê	rồng rắn lên mây	mèo đuổi chuột	nhảy dây
Trò chơi trí tuệ	xếp hình	cờ tướng	giải ô chữ	cờ vua
Đồ chơi	súng bắn nước	rô bốt	búp bê	bộ xếp hình

VÒNG 16

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: dịu dàng.

Câu hỏi 2: múa rối.

Câu hỏi 3: giao bóng.

Câu hỏi 4: mất.

Câu hỏi 5: ghép.

Câu hỏi 6: gấc.

Câu hỏi 7: vui chơi.

Câu hỏi 8: bất.

Câu hỏi 9: dựng.

Câu hỏi 10: dày.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Từ chỉ phẩm chất tốt đẹp	tự trọng	tự lập	tự lực	tự tin
Từ chỉ tính xấu	tự mãn	tự phụ	tự kiêu	tự ti
Từ chỉ chữ viết	Hán tự	Văn tự	đơn tự	thư pháp

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Thượng võ. (Tiếng Việt 4, tập một, tr.155, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 3: B. Để yêu cầu.

Câu hỏi 4: C. Chữ *đ*.

Câu hỏi 5: C. Liều lĩnh làm việc ắt sẽ gặp tai hoạ.

Câu hỏi 6: A. Chiếc chìa khoá của kho báu.

Câu hỏi 7: C. Cần phải biết chọn bạn, chọn nơi sinh sống.

Câu hỏi 8: A. Hồ gián. (hồ dán)

Câu hỏi 9: B. Làm ăn bị thua lỗ mất trắng tay.

Câu hỏi 10: A. Miêu tả tiếng sáo diều.

VÒNG 17

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: cô bé. (Tiếng Việt 4, tập một, tr.163, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: dò.

Câu hỏi 3: công chúa.

Câu hỏi 4: vàng. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.164, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: diều.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: giấc.

Câu hỏi 7: dân gian.

Câu hỏi 8: hai.

Câu hỏi 9: rách.

Câu hỏi 10: tinh nhanh.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 2: A. Cô muốn có mặt trăng.

Câu hỏi 3: C. Cách nhìn của trẻ về thế giới xung quanh rất khác người lớn.

Câu hỏi 4: B. thành.

Câu hỏi 5: C. đeo gùi vào rừng.

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C đều không đúng. (*đùa vui trước sàn nhà*)

Câu hỏi 7: C. ở lại tập văn nghệ.

Câu hỏi 8: D. dạy em tập viết.

Câu hỏi 9: B. Cây lựu.

Câu hỏi 10: B. Ngã nghiêng. (ngả nghiêng)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Cha	mẹ	sinh	con	**trời**	sinh	tính

Câu hỏi 2:

Cưa	gỗ	thì	**đè**	cưa	tre	thì	đỡ

Câu hỏi 3:

Công	**cha**	như	núi	Thái	Sơn

Câu hỏi 4:

Dạy	con	từ	thuở	còn	**thơ**

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5:

Tre	**già**	măng	mọc

Câu hỏi 6:

Con	**giun**	xéo	mãi	cũng	quằn

Câu hỏi 7:

Ăn	**chắc**	mặc	bền

Câu hỏi 8:

Nhất	nước	nhì	phân	tam	cần	tứ	**giống**

Câu hỏi 9:

Có	bột	mới	gột	**nên**	hồ

Câu hỏi 10:

Lên	non	mới	biết	non	**cao**

VÒNG 18

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: răng.

Câu hỏi 2: tính từ.

Câu hỏi 3: vui sướng.

Câu hỏi 4: chiêng.

Câu hỏi 5: mềm mại.

Câu hỏi 6: chủ nhiệm.

Câu hỏi 7: hổ.

Câu hỏi 8: nặng sâu.

Câu hỏi 9: Lam. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.177, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: bò ra khỏi tổ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Lậc đổ. (lật đổ)

Câu hỏi 2: B. Vui vẻ.

Câu hỏi 3: B. Ra-đi-ô. (đài)

Câu hỏi 4: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: D. đẹp, ấm áp.

Câu hỏi 6: A. cắt, mọc.

Câu hỏi 7: B. đã.

Câu hỏi 8: B. trên mái nhà.

Câu hỏi 9: C. trung cư. (chung cư)

Câu hỏi 10: D. tính từ.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Trăm	**hay**	không	bằng	tay	quen

Câu hỏi 2:

Chuột	**sa**	chĩnh	gạo	nếp

Câu hỏi 3:

Cha	mẹ	hiền	lành	để	**phúc**	cho	con

Câu hỏi 4:

Tốt	gỗ	hơn	tốt	nước	**sơn**

Câu hỏi 5:

Trăm	**nghe**	không	bằng	một	thấy

Câu hỏi 6:

Ăn	được	**ngủ**	được	là	tiên

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7:

Cày	**sâu**	cuốc	bẫm

Câu hỏi 8:

Người	thanh	**tiếng**	nói	cũng	thanh

Câu hỏi 9:

Xấu	người	đẹp	**nết**	còn	hơn	đẹp	người

Câu hỏi 10:

Đất	**lành**	chim	đậu

VÒNG 19

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: suốt.

Câu hỏi 2: xin. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.5, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: xáo.

Câu hỏi 4: sóc.

Câu hỏi 5: tinh thông. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.5, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: Xuân Quỳnh.

Câu hỏi 7: móc. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.12, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: xông.

Câu hỏi 9: xạ.

Câu hỏi 10: tài năng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp như sau:

"Tài" chỉ khả năng hơn người	tài hoa	tài nghệ	tài đức	tài năng
"Tài" chỉ vật chất	tài nguyên	tài liệu	tài sản	gia tài
"Tài" chỉ người	trọng tài	nhân tài	tài tử	tài xế

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Trảy xiết. (chảy xiết)

Câu hỏi 2: D. Tài trợ.

Câu hỏi 3: B. Sáng dạ.

Câu hỏi 4: C. Ai làm gì?

Câu hỏi 5: A. Xúng xính.

Câu hỏi 6: D. người Điện Biên.

Câu hỏi 7: C. Tài đức.

Câu hỏi 8: A. Các trò.

Câu hỏi 9: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: A. Ca ngợi con người là tinh hoa của đất, là thứ quý giá nhất.

VÒNG 20

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. Uống rượu.

Câu hỏi 2: C. Bữa chưa.(bữa trưa)

Câu hỏi 3: A. Bà cụ.

Câu hỏi 4: A. Chung kết.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: D. đáp án khác (ăn no, lăn ra ngủ).

Câu hỏi 6: A. Chỉ một người có sức khoẻ phi thường.

Câu hỏi 7: B. leo.

Câu hỏi 8: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: A. Chỉ một người làm công việc gì đó rất nhanh.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi như sau:

hạt lúa	tàu hoả	thật thà	phép màu	thông minh
hạt thóc	xe lửa	trung thực	phép lạ	thông thái
học sinh	người vẽ tranh	nhà vua	hạt lạc	Thánh Gióng
học trò	hoạ sĩ	quốc vương	đậu phộng	Phù Đổng Thiên Vương

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: trẻ. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.14, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: núc nác. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.14, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: vũ công. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.18, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: thuốc.

Câu hỏi 5: chuột.

Câu hỏi 6: Chỉ.

Câu hỏi 7: tre.

Câu hỏi 8: tiền.

Câu hỏi 9: ba. (Câu 1, 2 và 4)

Câu hỏi 10: thả câu.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 21

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Rải. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.22, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: tiện nghi. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.22, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: lim dim. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.27, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: huân chương. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.22, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: Quân giới. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.22, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: sự nghiệp. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.22, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: tê giác.

Câu hỏi 8: giống.

Câu hỏi 9: già.

Câu hỏi 10: bốn. (Câu 1, 2, 4, 6)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. chịu.

Câu hỏi 2: C. tem.

Câu hỏi 3: C. trống vắng.

Câu hỏi 4: A. Những người con.

Câu hỏi 5: C. trắng tinh và thơm ngát.

Câu hỏi 6: A. Ông nghiên cứu và sáng chế ra loại vũ khí có sức phá lớn.

Câu hỏi 7: A. Gỗ.

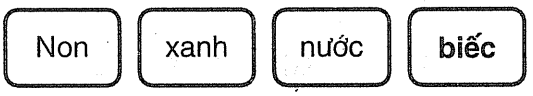
Câu hỏi 8: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 9: C. róc rách trong những khe núi.

Câu hỏi 10: A. đặc điểm.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2:

Của	không	**ngon**	nhà	đông	con	cũng	hết

Câu hỏi 3:

Công	**thành**	danh	toại

Câu hỏi 4:

Cứu	một	người	**phúc**	đẳng	hà	sa

Câu hỏi 5:

Nói	**phải**	củ	cải	cũng	nghe

Câu hỏi 6:

Nhường	**cơm**	sẻ	áo

Câu hỏi 7:

Mình	đồng	**da**	sắt

Câu hỏi 8:

Của	rề	rề	không	bằng	**nghề**	trong	tay

Câu hỏi 9:

Con	sâu	làm	**rầu**	nồi	canh

Câu hỏi 10:

Thuốc	**đắng**	giã	tật	sự	thật	mất	lòng

VÒNG 22

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: trúc.

Câu hỏi 2: lộc vừng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.37, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: lăn tăn. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.35, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: phân vân. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.37, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: đam mê. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.34, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: màu.

Câu hỏi 7: nức nở.

Câu hỏi 8: Hà Nội.

Câu hỏi 9: Chợ Tết.

Câu hỏi 10: năm. (Tất cả 5 câu)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Nương rẫy.

Câu hỏi 2: C. Miền Nam.

Câu hỏi 3: C. Hùng vĩ.

Câu hỏi 4: A. Phúc chốc. (phúc chốc)

Câu hỏi 5: C. Những cô gái thủ đô.

Câu hỏi 6: D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 7: B. Cây sầu riêng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.34, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: C. hẵng.

Câu hỏi 9: A. Chỉ sự vui sướng của một người biểu hiện ra nét mặt.

Câu hỏi 10: B. Bốn cánh.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp như sau:

Từ chỉ vẻ đẹp bên ngoài của người	xinh đẹp	duyên dáng	khôi ngô	sáng sủa
Từ chỉ vẻ đẹp tính cách của người	thuỳ mị	nết na	thông minh	ưu tú
Từ chỉ vẻ đẹp cảnh vật thiên nhiên	tươi đẹp	xanh tươi	uy nghi	tráng lệ

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 23

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: sân. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.48, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: phượng. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.44, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: sâu.

Câu hỏi 4: Tai. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.48, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: Vô tâm. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.45, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: voi.

Câu hỏi 7: cá sấu.

Câu hỏi 8: hai chấm.

Câu hỏi 9: sầu đâu. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.50, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: Sắc.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Xấu xí.

Câu hỏi 2: B. Góp phần vào việc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu hỏi 3: A. Phần tử.

Câu hỏi 4: A. Vì hoa phượng gắn bó với những người học trò.

Câu hỏi 5: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 6: B. Chỉ những người tự cao tự đại.

Câu hỏi 7: D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 8: D. Bức dức. (bứt rứt)

Câu hỏi 9: B. Một chiếc máy tính.

Câu hỏi 10: B. Nói lên phẩm chất quý hơn vẻ đẹp bên ngoài.

Bài thi số 3: THÁM TỬ ONG VÀNG

Đáp án:

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh
Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 24

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: chuồn chuồn.

Câu hỏi 2: Thoi. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.60, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: trăng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.60, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: Cái gì.

Câu hỏi 5: biển. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.60, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: khích lệ. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.5, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: Chang chang.

Câu hỏi 8: là gì.

Câu hỏi 9: đều làm giáo viên.

Câu hỏi 10: chốn.

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi như sau:

đoàn kết	nhân	địa	người chồng	phi trường
đùm bọc	người	đất	phu quân	sân bay
máy bay	vui vẻ	trời	bằng hữu	ngày
phi cơ	lạc quan	thiên	bạn bè	nhật

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Đáp án khác. (Bố em và chú ấy)

Câu hỏi 2: C. Tròn trịa.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: A. Con trâu.

Câu hỏi 5: C. Vào lúc đêm tối. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.59, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: A. Thu hút sự chú ý của người đọc bằng thông tin dễ nhớ.

Câu hỏi 7: C. là tổ ấm của mỗi người.

Câu hỏi 8: D. Cần mẫn.

Câu hỏi 9: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 10: C. Cả A và B đều đúng.

VÒNG 25

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: rùa.

Câu hỏi 2: Gườm gườm. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.68, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: lênh đênh.

Câu hỏi 4: gạch nung. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.66, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: Tiểu đội. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.72, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: râm. (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.41, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: dọc. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.72, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: ba.

Câu hỏi 9: làu bàu. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.67, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: Rào rào.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Ca ngợi tình đồng chí, đồng đội của các chiến sĩ lái xe.

Câu hỏi 2: A. Thể dục.

Câu hỏi 3: D. Mên mang. (mênh mang)

Câu hỏi 4: A. Gan dạ.

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C đều đúng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: A. Văn hoá nghệ thuật.

Câu hỏi 7: B. Vừa buồn lại vừa vui.

Câu hỏi 8: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 9: C. Vì sự hiểu biết và thái độ bình tĩnh, cương quyết của bác sĩ.

Câu hỏi 10: B. ngắn.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Nhiễu | điều | phủ | lấy | **giá** | gương

Câu hỏi 2:

Mười | **rằm** | cũng | ừ | mười | tư | cũng | gật

Câu hỏi 3:

Mua | **dây** | buộc | mình

Câu hỏi 4:

Chơi | **dao** | sắc | có | ngày | đứt | tay

Câu hỏi 5:

Đi | hỏi | **già** | về | nhà | hỏi | trẻ

Câu hỏi 6:

Bóc | ngắn | cắn | **dài**

Câu hỏi 7:

Góp | **gió** | thành | bão

Câu hỏi 8:

Điều | lành | thì | nhớ | điều | **dở** | thì | quên

Câu hỏi 9:

Dao | sắc | không | gọt | được | chuôi

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10:

Đón	người	cửa	trước	rước	người	cửa	sau

VÒNG 26

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: lúa.

Câu hỏi 2: chiến luỹ. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.81, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: Xung kích. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.81, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: dũng sĩ.

Câu hỏi 5: nắng.

Câu hỏi 6: vẹt. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.77, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 7: nuốt. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.77, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: lá đa.

Câu hỏi 9: thiên thần. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.81, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: lập loè.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. No nê.

Câu hỏi 2: D. Vin quang. (vinh quang)

Câu hỏi 3: A. Anh dũng.

Câu hỏi 4: A. Dũng cảm.

Câu hỏi 5: A. biển cả.

Câu hỏi 6: D. Anh hùng.

Câu hỏi 7: A. cảm.

Câu hỏi 8: B. Để nhặt các vỏ đạn giúp nghĩa quân.

Câu hỏi 9: A. Chỉ sự gan dạ dũng cảm, không nao núng trước khó khăn.

Câu hỏi 10: B. dũng cảm.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Cùng nghĩa với "dũng cảm"	can đảm	quả cảm	anh hùng	anh dũng
Trái nghĩa với "dũng cảm"	hèn nhát	nhút nhát	rụt rè	sợ sệt
Cùng nghĩa với "tình cảm"	hoà thuận	hiếu thảo	thân thiết	gắn bó

VÒNG 27

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: kính cẩn. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.91, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: xoài.

Câu hỏi 3: bối rối. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.91, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: chân lí. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.86, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: sửng sốt. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.85, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: sao.

Câu hỏi 7: lao xuống. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.90, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: Câu khiến. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.8, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: sâu.

Câu hỏi 10: lủng lẳng.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Gan vàng dạ sắt.

Câu hỏi 2: C. sao động. (Xao động)

Câu hỏi 3: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 4: C. hoa sen.

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: C. Nam đi học thôi!

Câu hỏi 7: C. dấu (!)

Câu hỏi 8: D. Đáp án khác. (Cả A, B và C đều đúng)

Câu hỏi 9: D. Đáp án khác. (Cả A, B và C đều đúng)

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: THÁM TỬ ONG VÀNG

Sắp xếp như sau:

Câu hỏi 1: Con gà tức nhau tiếng gáy.

Câu hỏi 2: Anh em thuận hoà là nhà có phúc.

Câu hỏi 3: Én bay cao mưa rào lại tạnh.

Câu hỏi 4: Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Câu hỏi 5: Gái tham tài trai tham sắc.

Câu hỏi 6: Thuốc đắng giã tật sự thật mất lòng.

Câu hỏi 7: Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Câu hỏi 8: Giang sơn nào anh hùng nấy.

Câu hỏi 9: Giống nhau như hai giọt nước.

Câu hỏi 10: Hiểm nghèo như gươm treo sợi tóc.

VÒNG 28

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ chỉ tài năng	tài giỏi	tài ba	giỏi giang	tài hoa
Từ chỉ sức khoẻ	gầy còm	ốm yếu	mạnh khoẻ	dẻo dai
Từ chỉ vẻ đẹp	tuyệt mĩ	xinh xắn	xinh đẹp	cường tráng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Đoàn thuyền đánh cá.

Câu hỏi 2: D. Trêu chọc.

Câu hỏi 3: D. Chán nản.

Câu hỏi 4: A. Con sẻ.

Câu hỏi 5: C. Chúng ta cần phát hiện và bồi dưỡng những ..... trẻ.

Câu hỏi 6: B. giúp.

Câu hỏi 7: B. Các bạn trong lớp chúng tôi rất đoàn kết.

Câu hỏi 8: B. Đó thực sự là những kỉ niệm ..... trong tôi.

Câu hỏi 9: C. Chúng ta cần ..... nhận khuyết điểm khi mắc lỗi.

Câu hỏi 10: B. Vị ngữ là "thấy bố rất vui mỗi khi đứng ngắm cây mai tứ quý."

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: phượng.

Câu hỏi 2: la bàn.

Câu hỏi 3: nết na.

Câu hỏi 4: Tiến Duật.

Câu hỏi 5: đồng.

Câu hỏi 6: láy âm đầu.

Câu hỏi 7: ghép.

Câu hỏi 8: lặng.

Câu hỏi 9: làm.

Câu hỏi 10: tròn vành.

VÒNG 29

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: chưng.

Câu hỏi 2: diệu kì. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.108, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: Sa Pa. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.102, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: chênh vênh. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.102, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: Ấn Độ. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.103, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: tròn.

Câu hỏi 7: thám hiểm.

Câu hỏi 8: du lịch.

Câu hỏi 9: dệt lụa.

Câu hỏi 10: chiêng.

Bài thi số 2: THÁM TỬ ONG VÀNG

Đáp án:

Sông Hồng đỏ lặng phù sa
Sông Cửu Long hoá phép ra chín rồng
Làng quan họ có sông Cầu
Sông Mã tiếng vó ngựa phi ngang trời
Sông Đáy chẳng thể nổi lên
Sông Bạch Đằng đó mồ chôn quân thù.

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. đầu.

Câu hỏi 2: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: D. Rực rỡ.

Câu hỏi 5: A. Trăm trú.

Câu hỏi 6: C. vững.

Câu hỏi 7: B. Thành phố Hải Phòng.

Câu hỏi 8: C. Bác làm ơn xem hộ cháu mấy giờ rồi ạ!

Câu hỏi 9: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: A. Cậu xem có cuốn nào hay hay mua giúp tớ để tớ đọc nhé!

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 30

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp như sau:

Hoạt động du lịch	tàu thuỷ	bãi biển	khách sạn	phố cổ
Hoạt động thám hiểm	la bàn	kiên trì	thú dữ	lều trại
Địa danh	Hội An	Đà Lạt	Sa Pa	U Minh

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: dưa hấu.

Câu hỏi 2: Ráng.

Câu hỏi 3: Ma-gien-lăng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.114, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: Rì rầm.

Câu hỏi 5: du khách.

Câu hỏi 6: ruột rà.

Câu hỏi 7: guồng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.120, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: ráng vàng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.118, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: rừng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.119, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: rành rành.

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Cả A và B.

Câu hỏi 2: B. Dải lụa.

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: B. Biểu lộ cảm xúc thán phục.

Câu hỏi 5: B. Ông có nhiệm vụ khám phá con đường trên biển đến các nơi.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: D. đáp án khác. (Cả B và C).

Câu hỏi 7: D. Phi cơ. (máy bay)

Câu hỏi 8: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng.

VÒNG 31

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nắng.

Câu hỏi 2: ngỡ ngàng. (TV 4, tập 2, tr.125, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: cây muỗm. (TV 4, tập 2, tr.124, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: công lao. (Ca dao)

Câu hỏi 5: lấp lánh.

Câu hỏi 6: lược.

Câu hỏi 7: nắn nót. (Quang Huy)

Câu hỏi 8: trạng ngữ. (TV 4, tập 2, tr.126, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: kiến trúc. (TV 4, tập 2, tr.124, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: nơi chốn. (địa điểm,...)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi những từ như sau:

đậu	du lịch	hạnh phúc	mì	người lính
đỗ	đi chơi	sung sướng	sắn	bộ đội
đồng lòng	mất sạch tiền của	hiền lành	hạt vừng	Tổ quốc
cùng một lòng	trắng tay	nhân hậu	hạt mè	đất nước

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Lủ lượt. (lũ lượt)

Câu hỏi 2: C. Nỗ lực.

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: A. là từ chỉ thời gian.

Câu hỏi 6: C. mấy bác xã viên đã bắt đầu ra đồng làm việc.

Câu hỏi 7: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: B. *thung.*

Câu hỏi 9: C. Cả A và B.

Câu hỏi 10: B. mấy chú dê con đang gặm cỏ.

VÒNG 32

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: voi.

Câu hỏi 2: Thân hành. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.133, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: sằng sặc. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.132, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: thời gian.

Câu hỏi 5: xuân.

Câu hỏi 6: sen.

Câu hỏi 7: nguy cơ. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.132, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: sườn sượt. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.133, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: du học. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.133, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: xếp hàng.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 2: B. Chữ xấu.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: A. Đen nhạt.

Câu hỏi 5: A. Trả lời cho câu hỏi "Khi nào?"

Câu hỏi 6: A. Ca ngợi sự lạc quan, yêu đời của Bác.

Câu hỏi 7: D. Chỉ ba tháng sau, nhờ siêng năng, cần cù.

Câu hỏi 8: A. Khi nào?

Câu hỏi 9: A. Vần *ot*.

Câu hỏi 10: B. Nói lên phong thái ung dung của Bác.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Học | **một** | hiểu | mười

Câu hỏi 2:

Học | ăn | học | **nói** | học | gói | học | mở

Câu hỏi 3:

Kẻ | **đón** | người | đưa

Câu hỏi 4:

Kiếm | củi | ba | năm | **thiêu** | một | giờ

Câu hỏi 5:

Kẻ | **tám** | lạng | người | nửa | cân

Câu hỏi 6:

Khéo | **ăn** | khéo | nói

Câu hỏi 7:

Kẻ | khóc | **người** | cười

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8:

Khéo	ăn	thì	no	khéo	**co**	thì	ấm

Câu hỏi 9:

Khôn	ăn	**cái**	dại	ăn	nước

Câu hỏi 10:

Không	cầu	mà	được	không	**ước**	mà	nên

VÒNG 33

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

***Xếp như sau*:**

Tiếng quan có nghĩa là "quan lại"	quan lại	quan võ	quan quân	quan văn
Tiếng quan có nghĩa là "nhìn, xem"	quan sát	tham quan	nhãn quan	trực quan
Tiếng quan có nghĩa là "liên hệ"	quan hệ	quan tâm	liên quan	bàng quan

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: chan chứa. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.148, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: cao vợi. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.149, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 3: chang chang.

Câu hỏi 4: tròn trịa.

Câu hỏi 5: điều.

Câu hỏi 6: chuột.

Câu hỏi 7: lạc quan.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: lạc đề.

Câu hỏi 9: trái đào. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.143, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: mục đích. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.150, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. triều.

Câu hỏi 2: A. Nghỉ hưu.

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 5: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 6: C. Vui tính.

Câu hỏi 7: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: D. học sinh.

Câu hỏi 9: A. ..., lợn thường lấy mõm dũi đất lên.

Câu hỏi 10: C. mục đích.

VÒNG 34

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: thống kê. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.154, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 2: râm ran.

Câu hỏi 3: thư giãn. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.154, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 4: rắn. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.154, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 5: điều trị. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.153, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 6: quản.

Câu hỏi 7: khách quan.

Câu hỏi 8: phương tiện.

Câu hỏi 9: Túc trực. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.158, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 10: giun.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: B. man.

Câu hỏi 3: C. Giang tay.

Câu hỏi 4: A. Rực rỡ.

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: B. Bằng cái gì, cô đã giật giải vàng?

Câu hỏi 7: D. Cả A, B và C đều đúng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.153, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 8: B. chủ.

Câu hỏi 9: B. Trong cuộc sống, cần phải sống một cách chan hoà vui vẻ.

Câu hỏi 10: A. Vì đợi món "mầm đá" quá lâu nên đói bụng.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Từ chỉ hoạt động	vui chơi	góp vui	mua vui	vui cười
Từ chỉ cảm giác	vui lòng	vui mừng	vui sướng	vui vui
Từ chỉ tính tình	vui tính	vui vẻ	vui tươi	vui nhộn

VÒNG 35

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nghênh nghênh.

Câu hỏi 2: tiểu.

Câu hỏi 3: cổ kính.

Câu hỏi 4: lộng gió. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.165, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: dòng kẻ.

Câu hỏi 6: Pa-xcan.

Câu hỏi 7: thế nào.

Câu hỏi 8: Xương rồng. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.164, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Câu hỏi 9: nghĩ.

Câu hỏi 10: vất vả. (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.165, NXB Giáo dục, Năm 2014)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Đến rằm, mặt trăng tròn vành vạnh, sáng vằng vặc.

Câu hỏi 2: C. Huy Cận. (Đoàn thuyền đánh cá)

Câu hỏi 3: D. Đáp án khác. (lại trở lại tuổi xuân)

Câu hỏi 4: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: A. Chỉ sự vui mừng, tin tưởng vào bản thân.

Câu hỏi 6: B. Chỉ việc quan sát mọi vật.

Câu hỏi 7: B. Bộ phận vị ngữ trả lời cho câu hỏi "Làm gì?".

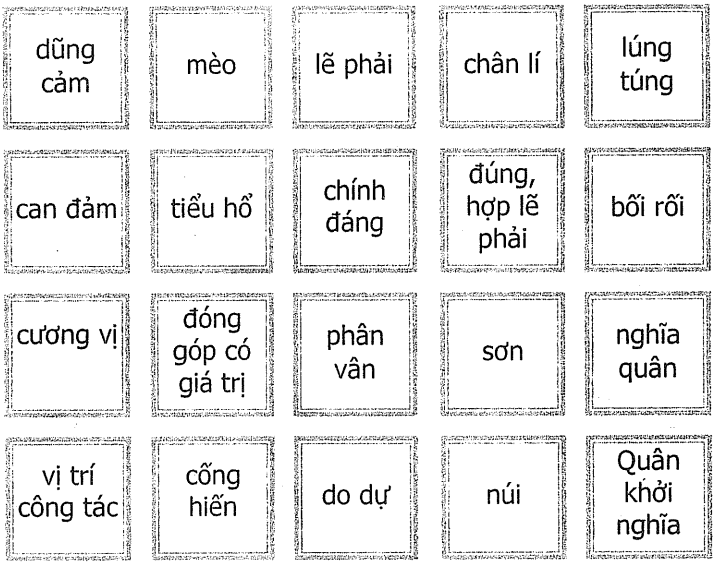
Câu hỏi 8: D. Con chuồn chuồn nước.

Câu hỏi 9: D. Đáp án khác. (Cả A và B đều đúng)

Câu hỏi 10: B. Phương tiện. (chỉ với một chiếc khăn bình dị.)

Bài thi số 3: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi những từ như sau:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

NS HỒNG ÂN

Nhà sách HỒNG ÂN
www.hongantructuyen.vn nhasachhongan
Email: nhasachhongan@hotmail.com
20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM
ĐT: 028.38246706 - 028.39107371 - 028.39107095 ♦ Fax: 028.39107053
Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ: 0842 989802

Bạn đọc có thể mua tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở địa phương hoặc các hệ thống đại lý của Nhà sách Hồng Ân:

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC NAM CƯỜNG
- 29 & 31 Phan Bội Châu - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3521999
- 245 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3858699
- 61 Đinh Tiên Hoàng - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3822256

NHÀ SÁCH YẾN CÔNG
259 Lê Duẩn - TP. Vinh

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP.HCM
HỆ THỐNG Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ
356 LÊ QUANG SUNG - P.6 - Q.6 - TP.HCM

HỆ THỐNG Nhà Sách VẠN TRÍ
- 319 Phan Đình Phùng - TP. Pleiku - Gia Lai
- 95 Lê Lợi - TP.Pleiku - Gia Lai
- 07 Lê Duẩn (Co.op mart) - TP. Quy Nhơn - Bình Định
- Ô phố B8 (Co.op mart) - TP. Tuy Hoà - Phú Yên

QUẢNG LỢI
nhasachquangloi.vn

New Shop.vn MUA SÁCH ONLINE
Nhanvan.vn Fahasa.com TIKI

HÀ NỘI:	**CÔNG TY DỊCH VỤ – VĂN HÓA TRÌNH DẬU** 98 Lê Thanh Nghị – P. Bách Khoa – TP. Hà Nội
THANH HOÁ:	**NS VIỆT LÝ** – 03/118 Phan Chu Trinh – TP Thanh Hoá
QUẢNG TRỊ:	**NS GIÁO DỤC** – 283 Trần Hưng Đạo – TP Quảng Trị
ĐÀ NẴNG:	**NS PHƯƠNG** – 04 Lý Thái Tổ
QUẢNG NAM:	**NS GIÁO KHOA** – 341 Phan Chu Trinh – Tam Kỳ
QUẢNG NGÃI:	**NS TRẦN QUỐC TUẤN** – 526 Quang Trung
KHÁNH HOÀ:	**NS NHÃ TRANG** – 2202 Hùng Vương Ba Ngòi – Cam Ranh
NINH THUẬN:	**NS HÙNG VƯƠNG** – 58D Đường 21/8 – Phan Rang
BÌNH THUẬN:	**CÔNG TY SÁCH & TBTH** – 70 Nguyễn Văn Trỗi – TP. Phan Thiết
BIÊN HOÀ:	**NS KIM NGÂN** – 15/1 Huỳnh Văn Nghệ – TP. Biên Hòa
VŨNG TÀU:	**NS ĐÔNG HẢI** – 36-38 Lý Thường Kiệt – TP Vũng Tàu
BÌNH DƯƠNG:	**NS 277** – 518 Cách Mạng Tháng 8 – TX Thủ Dầu Một
BÌNH PHƯỚC:	**NS HUY NAM** – QL14 Xã Tiến Thành – Đồng Xoài
DĂK NÔNG:	**NS GIÁO DỤC GIA NGHĨA** – 60 Huỳnh Thúc Kháng – Gia Nghĩa
ĐỒNG THÁP:	**NS VIỆT HƯNG** – 196 Nguyễn Huệ – TP. Cao Lãnh
BẾN TRE:	**CÔNG TY CP SÁCH & TBTH** – 03 Đồng Khởi
SÓC TRĂNG:	**NS THANH TÂM** – 146 Quốc lộ 1A – Phú Lộc
PHÚ QUỐC:	**NS VĂN MINH** – 208 Nguyễn Trung Trực – TT Dương Đông

SÁCH CÓ BÁN LẺ TẠI CÁC CỬA HÀNG SÁCH TRÊN TOÀN QUỐC

ISBN: 978-604-396-018-1
9 786043 960181
8 935092 824888
Giá: 69.000đ